BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

ISO 9001:2015

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH : KẾ TOÁN- KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Quyên

Giảng viên hướng dẫn : ThS. Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Phạm Thị Quyên

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Lê Thị Nam Phương

HẢI PHÒNG – 2020

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUẢN LÝ VÀ CÔNG NGHỆ HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: **Phạm Thị Quyên** **Mã SV**: 1612753010

Lớp : QT2001K

Ngành : Kế toán Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

- Nghiên cứu lý luận chung về kế toán thanh toán trong doanh nghiệp.
- Mô tả và phân tích thực trạng công tác kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy.
- Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy

2. Các tài liệu, số liệu cần thiết

- Số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH Dương Đức Huy .
- Số liệu thực trạng kế toán thanh toán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp

Công ty TNHH Dương Đức Huy**.**

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Họ và tên : Lê Thị Nam Phương

Học hàm, học vị : Thạc Sỹ

Cơ quan công tác : Trường Đại học Quản lý và Công nghệ Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 30 tháng 03 năm 2020

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2020

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Giảng viên hướng dẫn*

Hải Phòng, ngày tháng năm 2020

HIỆU TRƯỞNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN TỐT NGHIỆP

Họ và tên giảng viên : Lê Thị Nam Phương

Đơn vị công tác : Khoa Quản Trị Kinh Doanh

Họ và tên sinh viên : Phạm Thị Quyên Ngành: Kế toán kiểm toán

Đề tài tốt nghiệp : Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

Nội dung hướng dẫn : Kế toán thanh toán với người mua, người bán

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

Sinh viên Phạm Thị Quyên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp đã chấp hành tốt các yêu cầu quy định của giáo viên hướng dẫn về thời gian cũng như nội dụng yêu cầu của bài viết, có tinh thần tự giác nghiên cứu học hỏi các nội dung liên quan đến bài viết.

2. Đánh giá chất lượng của đồ án/khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu…):

+Về lý luận: Đã hệ thống hóa được những lý luận cơ bản về kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp theo TT 133.

+Về thực tiễn: Đã mô tả được chi tiết kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy theo hình thức kế toán Nhật ký chung với số liệu năm 2019. Các số liệu tính toán minh họa khá phong phú đảm bảo tính logic theo trình tự kế toán từ chứng từ đến sổ sách kế toán đáp ứng được yêu cầu của bài khóa luận tốt nghiệp cử nhân. Từ việc đưa ra số liệu về tính hình thực tế tại công ty bài viết đã phân tích các ưu nhược điểm và đưa ra được một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy nói riêng.

3. Ý kiến của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp:

Được bảo vệ ☐ Không được bảo vệ ☐ Điểm hướng dẫn ☐

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm .....

Giảng viên hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

Mục lục

LỜI MỞ ĐẦU 6
CHƯƠNG I LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP 7
1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán 7
1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua 8
1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua 8
1.2.2. Chứng từ, tài khoản và số sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua 9
1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua 10
1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán 13
1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán 13
1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán. 14
1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán. 15
1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ 18
1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán 21
1.5.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung 22
1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái 24
1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ 26
1.5.4. Đặc điểm thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính 28
2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dương Đức Huy 30
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Dương Đức Huy. 30
2.1.1.1. Quá trình hình thành 30
2.1.1.2. Các mốc trong quan trọng trong quá trình phát triển 30
2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty 31
2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh 31
2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty 31
2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của công ty trong quá trình hoạt động 32
2.1.4. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Dương Đức Huy 33

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy 34
2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán 34
2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp dụng kế toán tại công ty 36
2.1.6. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy 38
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy 38
2.1.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty 38
2.2.2. Kế toán thanh toán với người bán tại công ty 52
CHƯƠNG 3: GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY 63
3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy 63
3.1.1.Ưu điểm 63
3.1.2. Hạn chế 64
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán 64
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán 65
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán 65
3.4.1. Tăng cường quản lý công nợ 65
3.4.2. Giải pháp 2: Dự phòng phải thu khó đòi 70
3.4.3. Giải pháp 3: Sử dụng phần mềm kế toán 76
KẾT LUẬN 80
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO 81

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung 23
Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – sổ cái 25
Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ 27
Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy 29
Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty 34
Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty 35
Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung 37
Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Dương Đức Huy 39
Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy 53

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000305 41
Biểu số 2.2: Phiếu thu số 157 42
Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000312 43
Biểu số 2.4: Phiếu thu số 159 44
Biểu số 2.5: Hóa đơn giá tị gia tăng số 0000327 45
Biểu số 2.6: Giấy báo có số 350 46
Biểu số 2.7: Trích sổ nhật ký chung năm 2019 47
Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 131 48
Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng 49
Biểu số 2.10: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng 50
Biểu số 2.11: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng 51
Biểu số 2.12: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000168 54
Biểu số 2.13: Phiếu chi số 135 55
Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000197 56
Biểu số 2.15: Phiếu chi số 148 57
Biểu số 2.16: Trích sổ nhật ký chung năm 2019 58
Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 331 59
Biểu số 2.18: Trích sổ chi tiết phải trả người bán 60
Biểu số 2.19: Trích sổ chi tiết phải trả người bán 61
Biểu số 2.20: Trích bảng tổng hợp phải tra người bán 62
Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ năm 2019 74
Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng năm 2019 75

LỜI MỞ ĐẦU

Đứng trước bối cảnh Việt Nam đang hòa mình với nền kinh tế thế giới, đang đối mặt với rất nhiều khó khăn thách thức thì các doanh nghiệp trong nước nói chung và công ty TNHH Dương Đức Huy nói riêng cần phải có những biện pháp củng cố địa vị của mình trước hết là đối với trong nước và sau đó là mở rộng thị trường nước ngoài. Để có được chỗ đứng như hiện nay thì công ty TNHH Dương Đức Huy đã đặc biệt quan tâm đến quan hệ thanh toán chủ yếu có vị thế quan trọng trong công tác quản trị kinh doanh . Không phải doanh nghiệp nào cũng nhận thức được tầm quan trọng của quan hệ thanh toán, có những doanh nghiệp do mải mê theo đuổi lợi nhuận tìm mọi cách nâng cao doanh thu với những chính sách tín dụng hấp dẫn cho khách hàng nên đã rơi vào tình trạng không có khả năng thanh toán nợ mặc dù kinh doanh có lãi.

Doanh nghiệp muốn quản lý tốt quan hệ thanh toán với người bán, người mua thì điều kiện kiên quyết phải có là hệ thống kế toán nói chung và hệ thống kế toán công nợ nói riêng hoàn chỉnh và phù hợp với đặc điểm của công ty mình, có như vậy các thông tin kế toán cung cấp về tình hình thanh toán với nhà cung cấp và khách hàng mới đảm bảo chính xác, kịp thời phục vụ công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp.

Trong quá trình thực tập tại Công ty TNHH Dương Đức Huy em nhận thấy kế toán thanh toán với người mua, người bán đóng vai trò hết sức quan trọng và được ban lãnh đạo công ty hết sức quan tâm. Do vậy với sự giúp đỡ của nhân viên phòng kế toán cùng với giáo viên hướng dẫn của ThS. Lê Thị Nam Phương, em đã chọn đề tài: "**Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy**" làm đề tài tốt nghiệp của mình.

Đề tài gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại Công ty TNHH Dương Đức Huy

CHƯƠNG I
LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA NGƯỜI BÁN TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Phương thức thanh toán và hình thức thanh toán

Khái niệm thanh toán: Thanh toán là thuật ngữ ngắn gọn mô tả công việc chuyển giao các phương tiện tài chính từ một bên sang cho một bên khác, thường được sử dụng khi trao đổi sản phẩm, dịch vụ một giao dịch có ràng buộc pháp lý.

** Về phương thức thanh toán, có hai phương thức thanh toán chủ yếu:*

- Phương thức thanh toán trả ngay: Sau khi nhận được hàng mua, doanh nghiệp thương mại thanh toán tiền ngay cho người bán, có thể bằng tiền mặt, bằng chuyển khoản...

- Phương thức thanh toán chậm trả: Doanh nghiệp đã nhận được hàng nhưng chưa thanh toán tiền cho người bán.

** Về hình thức thanh toán, thông thường có hai hình thức thanh toán cơ bản là: thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.*

- Hình thức thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức bán hàng thu tiền ngay, bên mua sẽ xuất tiền mặt ra khỏi quỹ để thanh toán trực tiếp cho người bán khi nhận được vật tư, hàng hóa. Hình thức này thường được áp dụng đối với giao dịch phát sinh với số tiền nhỏ (hiện nay được áp dụng đối với những khoản nhỏ hơn 20 triệu đồng), nghiệp vụ đơn giản, khoảng cách giữa hai bên hẹp

- Hình thức thanh toán không bằng tiền mặt: Thanh toán không dùng tiền mặt là cách thức thanh toán trong đó không có sự xuất hiện của tiền mặt mà việc thanh toán được thực hiện bằng cách trích chuyển trên các tài khoản của các chủ thể liên quan đến số tiền phải thanh toán. Thanh toán không dùng tiền mặt còn được định nghĩa là phương thức thanh toán không trực tiếp dùng tiền mặt mà dựa vào các chứng từ hợp pháp như ủy nhiệm chi, sec... để trích chuyển vốn tiền tệ từ tài khoản của các đơn vị này sang đơn vị khác ở ngân hàng. Thanh toán không dùng tiền mặt gắn với sự ra đời của đồng tiền ghi số

+ Hình thức thanh toán ủy nhiệm chi: là phương tiện thanh toán mà người trả tiền lập lệnh thanh toán theo mẫu do ngân hàng quy định, gửi cho ngân hàng nơi mình mở tài khoản yêu cầu trích một số tiền nhất định trên tài khoản của mình để trả cho người thụ hưởng.

+ Hình thức nhờ thu kèm chứng từ: là hình thức thanh toán, trong đó người bán sau khi giao hàng, ký phát hối phiếu và gửi kèm với bộ chứng từ bán hàng để nhờ ngân hàng thu hộ tiền từ người mua với điều kiện là ngân hàng chỉ giao bộ chứng từ cho người mua sau khi người này trả tiền hối phiếu, hoặc ký chấp nhận thanh toán hối phiếu có kỳ hạn.

+ Hình thức nhờ thu phiếu trơn: là hình thức nhờ thu trong đó người xuất khẩu ủy thác cho ngân hàng thu hộ tiền từ người nhập khẩu căn cứ vào hối phiếu do mình lập ra còn chứng từ hàng hóa thì gửi thẳng cho người nhập khẩu, không gửi cho ngân hàng. Người bán giao hàng cho người mua và gửi thẳng bộ chứng từ cho người mua để người mua nhận hàng. Hối phiếu được lập và gửi đến ngân hàng nhờ thu tiền.

1.2. Nội dung kế toán thanh toán với người mua

1.2.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người mua

Để theo dõi kịp thời, chính xác các nghiệp vụ thanh toán với người mua kế toán cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Phải theo dõi chỉ tiết từng khoản nợ thu theo từng đối tượng khách hàng, thường xuyên đối chiếu, kiểm tra đôn đốc việc thu hỏi nợ.

- Không phản ánh vào tài khoản này các nghiệp vụ bán hàng hóa, cung cấp loại vụ dịch vụ trả tiền ngay.

- Cần phải phân loại các khoản thu khách hàng theo thời gian thanh toán cũng như những đối tượng có vấn đề để có kế hoạch và biện pháp thu hồi nợ.

- Đối với khách hàng giao dịch thường xuyên, có số dư nợ lớn thì định kỳ hoặc cuối tháng kế toán phải kiểm tra, đối chiếu từng khoản nợ phát sinh, số đã thanh toán, số còn lại phải thanh toán, có xác nhận bằng văn bản.

- Đối với các khoản phải thu có gốc ngoại tệ thì phải theo dõi cả nguyên tệ và quy đổi theo đồng Việt Nam. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo thực tế.

- Đối với các khoản phải thu phát sinh bằng vàng, bạc, đá quý cần ghi chi tiết theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Cuối kỳ phải điều chỉnh số dư theo tỷ giá thực tế.

- Tuyệt đối không được bù trừ số dư bên nợ và bên có của tài khoản 131 mà phải căn cứ vào số dư chi tiết từng bên để lấy số hiệu ghi trên bảng cân đối kế toán.

1.2.2. Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng trong kế toán thanh toán với người mua

**** Chứng từ, sổ sách sử dụng***

- Chứng từ sử dụng:

+ Hóa đơn GTGT: Liên l lưu lại cuống, liên 2 giao cho khách hàng, liên 3 lưu lại làm căn cứ ghi sổ.

+ Phiếu thu: là chứng từ thu tiền mặt khi phát sinh một nghiệp vụ kinh tế liên quan đến tiền mặt. Phiếu thu chỉ là thể hiện quá trình giao dịch tiền mặt, sau đó phải có hóa đơn tài chính kèm theo.

+ Giấy báo có: là loại chứng từ ngân hàng, thông báo cho chủ tài khoản rằng đã có thêm một khoản tiền trong tài khoản của chủ tài khoản.

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ chi tiết phải thu của từng khách hàng

+ Sổ tổng hợp phải thu khách hàng

+ Sổ cái TK131...

****Tài khoản sử dụng:***

+ Tài khoản 131 - phải thu khách hàng

- Kết cấu:

Bên nợ	TK 131	Bên có
PSTK - Số tiền phải thu của khách hàng về sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ cung cấp và được xác định là bán trong kỳ		- Số tiền khách hàng đã trả nợ. - Số tiền đã nhận ứng trước, trả trước của khách hàng. - Khoản giảm giá hàng bán cho khách hàng - Doanh thu của số hàng đã bán bị người mua trả. - Số tiền chiết khấu thanh toán và chiết khấu thương mại cho người mua.
SDCK - Số tiền còn phải thu của khách hàng.		- Số dư bên có phản ánh số tiền đã nhận trước, hoặc số tiền đã thu nhiều hơn số phải thu của khách hàng chi tiết theo từng đối tượng cụ thể.

1.2.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua.

(1) Kế toán chiết khấu thương mại và giảm giá hàng bán:

- Số tiền chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán ghi ngay trên hóa đơn bán hàng, kế toán phản ánh doanh thu theo giá đã trừ chiết khấu giảm giá và không phản ánh riêng số chiết khấu, giảm giá, hóa đơn bán hàng chưa thể hiện số tiền chiết khấu thương mại do khách hàng chưa đủ điều kiện để được hưởng thì doanh thu ghi nhận theo giá chưa trừ chiết khấu. Sau thời điểm ghi nhận doanh thu, nếu khách hàng đủ điều kiện được hưởng chiết khấu, giảm giá thì kế toán ghi nhận:

Nợ TK 521: Khoản giảm trừ doanh thu (5211, 5212) (giá chưa có thuế)

Nợ TK 333: Thuế và các khoản phải nộp về Nhà nước

Có TK 131: Phải thu khách hàng

(2) Khi bán sản phẩm hàng hóa, cung cấp dịch vụ chưa thu được ngay bằng tiền kế toán ghi nhận doanh thu ghi:

- Đối với sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế nhập khẩu... kế toán phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp

dịch vụ theo giá bán chưa có thuế, các khoản thuế gián thu phải nộp được tách riêng ngay khi ghi nhận doanh thu:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Giá chưa có thuế)

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp về Nhà nước

- Trường hợp không tách ngay được các khoản thuế phải nộp, kế toán ghi nhận doanh thu bao gồm cả thuế phải nộp. Định kỳ kế toán xác định nghĩa vụ thuế phải nộp và ghi giảm doanh thu:

Nợ TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Thuế và các khoản phải nộp về Nhà nước

(3) Nhận tiền do khách hàng trả, nhận tiền ứng trước của khách hàng theo hợp đồng bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 131: Phải thu khách hàng

(4) Kế toán hàng bán bị trả lại

Nợ TK 5213: Hàng bán bị trả lại

Nợ TK 333: Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

Có TK 131: Phải thu khách hàng

(5) Số chiết khấu thanh toán phải trả cho người mua do người mua thanh toán tiền mua hàng trước thời hạn quy định, trừ vào khoản nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 111: Tiền mặt

Nợ TK 112: Tiền gửi ngân hàng

Nợ TK 635: Chi phí tài chính (Số tiền chiết khấu thanh toán)

Có TK 131: Phải thu khách hàng

(6) Kế toán khoản phải thu về phí ủy thác tại bên nhận ủy thác xuất nhập khẩu:

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (5113)

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp (3331)

(7) Kế toán các khoản phải thu của nhà thầu đãi với khách hàng liên quan đến hợp đồng xây dựng:

- Hợp đồng xây dựng quy trình nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch:

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính tin cậy, kế toán căn cứ chứng từ phản ánh doanh thu với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu xác định:

Nợ TK 337: Thanh toán theo tiến độ thi kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Căn cứ vào hóa đơn được lập theo tiến độ kế hoạch để phản ánh số tiền khách hàng phải trả theo tiến độ kế hoạch đã ghi trong hợp đồng:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 337: Thanh toán theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng

Có TK 333: Thuế GTGT phải nộp (3331)

- Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định và được khách hàng xác nhận, kế toán lập hóa đơn trên cơ sở phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận, căn cứ vào hóa đơn ghi:

Nợ TK 131: Phải thu khách hàng

Có TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 333: Thuế GTGT phải nộp (3331)

- Khi nhận được tiền thanh toán khối lượng công trình hoàn thành hoặc khoản ứng trước từ khách hàng ghi:

Nợ TK 111, 112

Có TK 131: Phải thu của khách hàng.

(8) Phát sinh khoản nợ phải thu khó đòi thực sự không thể thu được phải xử lý xóa sổ, căn cứ vào biên bản xử lý xóa nợ:

Nợ TK 229: Dự phòng tổn thất tài sản

Nợ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 131: Phải thu khách hàng

(9) Khách hàng không thanh toán bằng tiền mà thanh toán bằng hàng, căn cứ giá trị vật tư, hàng hóa nhận hàng trao đổi (tính theo giá trị hợp lý ghi trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng của khách hàng) trừ vào số nợ phải thu của khách hàng:

Nợ TK 152: Nguyên liệu, vật liệu

Nợ TK 153: Công cụ, dụng cụ

Nợ TK 156: Hàng hóa

Nợ TK 611: Mua hàng (hàng tồn kho kế toán theo phương pháp KKĐK)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 131: Phải thu khách hàng.

1.3. Nội dung kế toán thanh toán với người bán

1.3.1. Nguyên tắc kế toán thanh toán với người bán

- Phải trả người bán thường xảy ra trong quan hệ mua, bán vật tư, công cụ, dụng cụ, hàng hóa, TSCĐ... Khi doanh nghiệp mua chịu sẽ dẫn đến phát sinh nghiệp vụ thanh toán nợ phải trả, khi doanh nghiệp ứng trước tiền mua hàng cho người bán sẽ dẫn đến nảy sinh một khoản tiền nợ phải thu với người cung cấp.

- Doanh nghiệp theo dõi chi tiết các khoản nợ phải trả cho người bán theo nguyên tệ và theo nguyên tắc:

- Khi thanh toán nợ phải trả người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy ra đồng Việt Nam theo tỷ giá đích danh của từng chủ nợ. Trường hợp phát sinh giao dịch ứng trước tiền cho nhà thầu hoặc người bán thì bên nợ TK 331 áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm ứng trước;

- Doanh nghiệp phải đánh giá lại các khoản phải trả cho người bán có gốc ngoại tệ tại tất cả các thời điểm lập Báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

- Khi phát sinh các khoản phải nợ cho người bán bằng ngoại tệ, kế toán phải quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh (là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi thường xuyên có giao dịch).

+ Khi hạch toán chi tiết, kế toán phải hạch toán rõ ràng các khoản chiết khấu thanh toán, giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại nếu chưa được phản ánh trong hóa đơn mua hàng

+ Bên giao nhận ủy thác ghi nhận trên tài khoản này số tiền phải trả người bán về hàng nhập khẩu thông qua bên nhập khẩu ủy thác như tài khoản phải trả người bán thông thường.

+ Những vật tư, hàng hóa, dịch vụ đã nhận, nhưng đến cuối tháng vẫn chưa có hóa đơn thì sử dụng giá tạm tính để ghi sổ và phải điều chỉnh về giá thực tế khi nhận được hóa đơn của người bán.

1.3.2. Chứng từ, tài khoản sử dụng trong kế toán thanh toán với người bán.

**** Chứng từ sử dụng:***

- Các chứng từ về mua hàng:

+ Hợp đồng kinh tế

+ Hóa đơn GTGT

+ Phiêu nhập kho

+ Phiếu chi

+ Biên bản giao nhận TSCĐ...

- Chứng từ ứng trước tiền: Phiếu thu (Do người bán nhập)

**** Tài khoản và sổ sách sử dụng***

- Tài khoản sử dụng: tài khoản 331 - Phải trả người bán

Kết cấu tài khoản 331:

Bên nợ TK 331	Bên có
- SDĐK Số tiền ứng trước cho người bán ở đầu kỳ.	- SDĐK Số tiền còn phải trả cho người bán đầu kỳ
- SPS trong kỳ + Số tiền đã trả cho người bán, vật tư, hàng hóa, người cung cấp lao vụ, dịch vụ, người nhận thầu XDCB + Số tiền ứng trước cho người bán, người cung cấp, người nhận thầu nhưng chưa nhận vật tư, hàng hóa, dịch vụ… + Số tiền người bán chấp nhận giảm giá số hàng đã giao theo hợp đồng + Số vật tư, hàng hóa thiếu hụt, kém phẩm chất,… khi kiểm nhận và trả lại người bán. + Chiết khấu mua hàng được người bán chấp nhận cho doanh nghiệp giảm trừ vào nợ phải trả.	- SPS trong kỳ: + Số tiền phải trả cho người bán, người cung cấp và nhận thầu xây dựng cơ bản. + Điều chỉnh giá bán tạm tính về giá trị thực tế của số vật tư, hàng hóa đã nhận khi có hóa đơn hay không báo giá chính thức.
- SD cuối kỳ: + Số tiền đã ứng cho người bán cuối kỳ. + Số tiền đã trả nhiều hơn số tiền phải trả cho người bán cuối kỳ	- SD cuối kỳ: + Số tiền còn phải trả cho người cung cấp, người nhận thầu xây dựng cơ bản cuối kỳ

- Sổ sách sử dụng:

+ Sổ chỉ tiết thanh toán với từng người bán.

+ Sổ tổng hợp thanh toán với người bán.

+ Sổ cái TK 111,112,331...

1.3.3. Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán.

(1) Mua vật tư, hàng hóa chưa trả tiền người bán về nhập kho và kê khai theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- Mua nội địa:

+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 152, 156,...

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả cho người bán

+ Trường hợp thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị hàng hóa gồm cả thuế GTGT

- Trường hợp nhập khẩu ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm thuế TTĐB, thuế xuất khẩu...

Nợ TK 152,156,...

Có TK 331: Phải trả người bán

Có TK 3333: Thuế xuất nhập khẩu

Có TK 3332: Thuế TTĐB

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

(2) Mua vật tư, hàng hóa, chưa trả tiền người bán về nhập kho. Hạch toán hàng tồn kho theo kiểm kê định kỳ:

- Mua hàng nội địa:

+ Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 611: Mua hàng (giá chưa có thuế GTGT)

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả người bán (tổng giá thanh toán)

+ Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị vật tư, hàng hóa gồm cả thuế GTGT (tổng thanh toán)

- Trường hợp nhập khẩu ghi:

+ Phản ánh giá trị hàng nhập khẩu bao gồm thuế TTĐB, thuế XK...:

Nợ TK 611: Mua hàng

Có TK 331: Phải trả người bán

Có TK 3332: Thuế TTĐB

Có TK 3333: Thuế xuất nhập khẩu

+ Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 3331: Thuế GTGT phải nộp

(3) Ứng trước tiền hoặc thanh toán số tiền phải trả cho người bán vật tư, hàng hóa, người xây lắp ghi:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 111, 112...

(4) Khi nhận lại tiền do người bán hoàn trả lại số tiền ứng trước vì không cung cấp được hàng:

Nợ TK 111, 112...

Có TK 331: Phải trả người bán

(5) Chiết khấu thanh toán mua hàng hóa doanh nghiệp được hưởng do thanh toán trước thời hạn và tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

(6) Nhận dịch vụ cung cấp (chi phí vận chuyển hàng hóa, điện nước, các dịch vụ khác) của người bán:

- Nếu thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 156: Hàng hóa

Nợ TK 241: XDCB dở dang

Nợ TK 242: Chi phí trả trước

Nợ TK 623, 627, 641...

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả cho người bán

- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị dịch vụ bao gồm cả thuế GTGT

(7) Đơn vị thực hiện đầu tư XDCB theo phương thức giao thầu, khi nhận khối lượng xây lắp hoàn thành giao cho bên nhận thầu xây lắp, căn cứ hợp đồng giao thầu và biên bản bàn giao khối lượng xây lắp,...

- Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ:

Nợ TK 241: XDCB dở dang

Nợ TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả người bán

- Thuế GTGT đầu vào không được khấu trừ thì giá trị đầu tư XDCB bao gồm cả thuế GTGT (tổng thanh toán)

(8) Các khoản nợ phải trả cho người bán không tìm ra chủ nợ hoặc chủ nợ không đòi và được xử lý ghi tăng thu nhập khác cho doanh nghiệp:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 711: Thu nhập khác

(9) Khi xác định giá trị khối lượng xây lắp phải trả theo hợp đồng kinh tế đã ký kết, căn cứ hóa đơn, phiếu giá công trình, biên bản nghiệm thu:

Nợ TK 632: Giá vốn hàng bán

Nợ TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả người bán

(10) Hàng hóa mua vào phải trả lại hoặc được người bán chấp nhận giảm giá do không đúng quy cách, phẩm chất được tính trừ vào khoản nợ phải trả người bán:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 133: Thuế GTGT được khấu trừ (1331) (nếu có)

Có TK 152, 156,611...

1.4. Nội dung kế toán các nghiệp vụ thanh toán có liên quan đến ngoại tệ.

a) Tỷ giá và quy định về sử dụng tỷ giá trong kế toán

- Tỷ giá hối đoái giữa hai tiền tệ là tỷ giá mà tại đó một đồng tiền này sẽ được trao đổi cho một đồng tiền khác. Nó cũng được coi là giá cả đồng tiền của một quốc gia được biểu hiện của một đồng tiền tệ khác

- Chênh lệch tỷ giá hối đoái là chênh lệch phát sinh từ việc trao đổi thực tế hoặc quy đổi cùng một số lượng ngoại tệ sang đơn vị tiền tệ kế toán theo tỷ giá hối đoái khác nhau. Chênh lệch tỷ giá hối đoái chủ yếu phát sinh trong các trường hợp:

+ Chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang đồng Việt Nam.

+ Thực tế mua bán, trao đổi, thanh toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ trong kỳ.

+ Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

Việc quy đổi đồng ngoại tệ ra đồng Việt Nam phải căn cứ vào: Tỷ giá giao thực tế, tỷ giá xuất, giá ghi sổ kế toán.

Trường hợp phát sinh doanh thu, chi phí, giá tính thuế bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế như sau:

+ Tỷ giá giao dịch thực tế hạch toán chi phí là tỷ giá bán ra của ngân hàng thương mại nơi người nộp thuế mở tài khoản tại thời điểm phát sinh giao dịch thanh toán ngoại tệ

+ Tỷ giá giao dịch thực tế để hạch toán doanh thu là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi người nộp mở tài khoản

b) Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua, người bán có liên quan đến ngoại tệ

➢ Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người mua liên quan đến ngoại tệ

- Khi bán hàng cho khách hàng bằng ngoại tệ chưa thu được tiền:

Nợ TK 131 (Tỷ giá thực tế)

Có TK 511 (Tỷ giá thực tế)

Có TK 3331 (Tỷ giá thực tế)

- Khi khách hàng thanh toán:

+ Phát sinh lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 111,112: Theo tỷ giá thực tế ngày thanh toán

Nợ TK 635: Chênh lệch lỗ tỷ giá

Có TK 131: Theo tỷ giá ghi sổ

+ Phát sinh lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái khi thanh toán nợ phải thu bằng ngoại tệ:

Nợ TK 111,112: Tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch

Có TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính (Chênh lệch của tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ)

Có TK 131: Tỷ giá ghi sổ kế toán

- Khi lập Báo cáo tài chính, đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế tai thời điểm báo cáo:

+ Phát sinh lãi

Nợ TK 131: Phải thu của khách hàng

Có TK 413: Chênh lệch lãi tỷ giá hối đoái

+ Phát sinh lỗ

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

➢ Kế toán các nghiệp vụ thanh toán với người bán liên quan đến ngoại tệ

- Khi phát sinh các khoản công nợ đối với người bán thì phải theo dõi cả số ngoại tệ phát sinh

Nợ TK152, 153,156, 211: Tỷ giá thực tế

Nợ TK 133: VAT đầu vào được khấu trừ

Có TK 331: Phải trả cho người bán (tỷ giá thực tế)

- Khi thanh toán

+Phát sinh lỗ tỷ giá

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ

Nợ TK 635: Nếu lỗ về tỷ giá hối đoái (chênh lệch giữa tỷ giá thực tế với tỷ giá ghi sổ)

Có TK 111,112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán

+Phát sinh lãi tỷ giá:

Nợ TK 331: Tỷ giá ghi sổ

Có TK 111,112: Số tiền đã trả theo tỷ giá thực tế thanh toán

Có TK 515: Nếu lãi về tỷ giá hối đoái (chênh lệch giữa tỷ giá ghi sổ với tỷ giá thực tế).

- Khi lập báo cáo tài chính, số dư nợ phải trả cho người bán bằng ngoại tệ được đánh giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

+ Nếu Tỷ giá ngoại tệ giảm so với Đồng Việt Nam:

Nợ TK 331: Phải trả người bán

Có TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái

+ Nếu tỷ giá ngoại tệ tăng so với đồng Việt Nam:

Nợ TK 413: Chênh lệch tỷ giá hối đoái

Có TK 331: Phải trả người bán

1.5. Đặc điểm kế toán thanh toán theo các hình thức kế toán

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC có hiệu lực từ ngày 01/01/2017, áp dụng thực hiện từ năm tài chính và nhất quán trong năm, doanh nghiệp xây dựng biểu mẫu kế toán cho riêng mình nhưng phải đảm bảo cung cấp thông tin về giao dịch thực tế một cách đầy đủ và minh bạch. Trường hợp không thể áp dụng biểu mẫu sổ kế toán theo phụ lục 04 ban hành theo Thông tư 133 ứng với 4 hình thức ghi sổ kế toán sau:

- Các hình thức kế toán

+ Hình thức kế toán Nhật ký chung;

+ Hình thức kế toán Nhật ký-Sổ cái;

+ Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ;

+ Hình thức kế toán trên máy vi tính.

1.5.1. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký chung

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải ghi vào sổ nhật ký đặc biệt là nhật ký chung theo thời gian phát sinh của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh

- Các loại sổ sách chủ yếu:
- Sổ Nhật ký chung;
- Sổ nhật ký đặc biệt;
- Sổ cái;
- Sổ chi tiết

Trình tự ghi sổ kế toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó dựa vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung ghi sổ cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời với việc ghi Nhật ký chứng các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào sổ kế toán có liên quan.

+ Trường hợp đơn vị mở các sổ nhật ký đặc biệt thì hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ được dùng làm căn cứ ghi sổ, ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký đặc biệt có liên quan. Định kỳ (3,5,10,… ngày) hoặc cuối tháng, tùy khối lượng nghiệp vụ phát sinh, tổng hợp từng sổ Nhật ký đặc biệt, lấy số liệu để ghi vào các tài khoản phù hợp trên sổ cái, đồng thời ghi vào sổ nhật ký đặc biệt(nếu có).

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm cộng số liệu trên sổ cái, lập bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp số liệu trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng tổng số phát sinh nợ và tổng số phát sinh có trên sổ nhật ký chung cùng kỳ.

Sơ đồ 1.1: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký chung

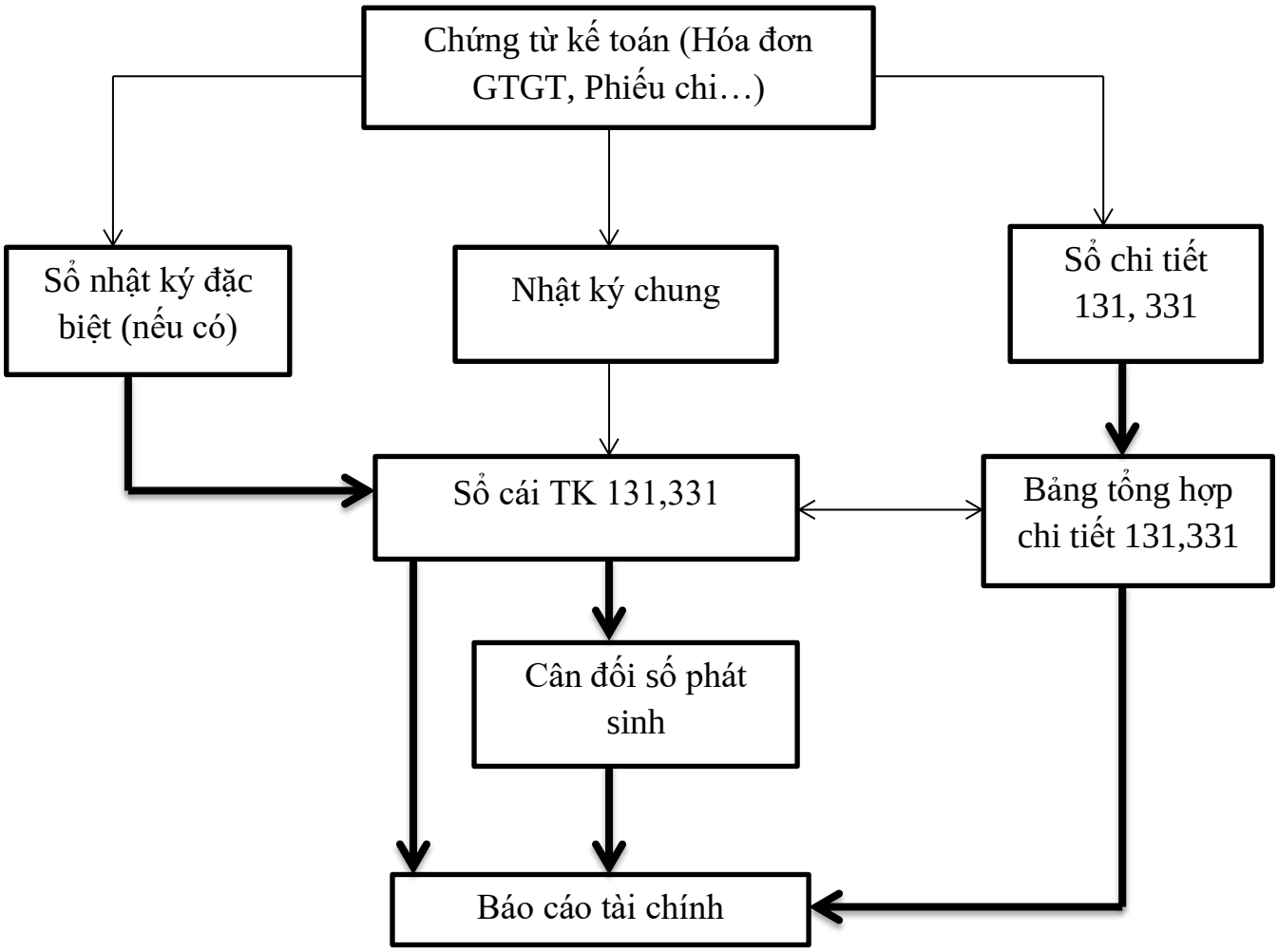

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi định kỳ: ⟹

Đối chiếu: ⟷

1.5.2. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và nội dung kinh tế trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ nhật ký - sổ cái. Căn cứ để ghi vào sổ nhật ký – sổ cái là các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

- Sổ sách chủ yếu:

+ Nhật ký – Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ chi tiết;

✓ Ưu điểm

+ Số lượng ít, mẫu sổ đơn giản dễ ghi chép

+ Việc kiểm tra đối chiếu số liệu có thể thực hiện thường xuyên trên sổ Tổng hợp Nhật ký – Sổ cái.

✓ Nhược điểm

+ Khó thực hiện việc phân công lao động kế toán

+ Khó thực hiện đối với doanh nghiệp có quy mô vừa và lớn phát sinh nhiều tài khoản.

Sơ đồ 1.2: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức Nhật ký – sổ cái

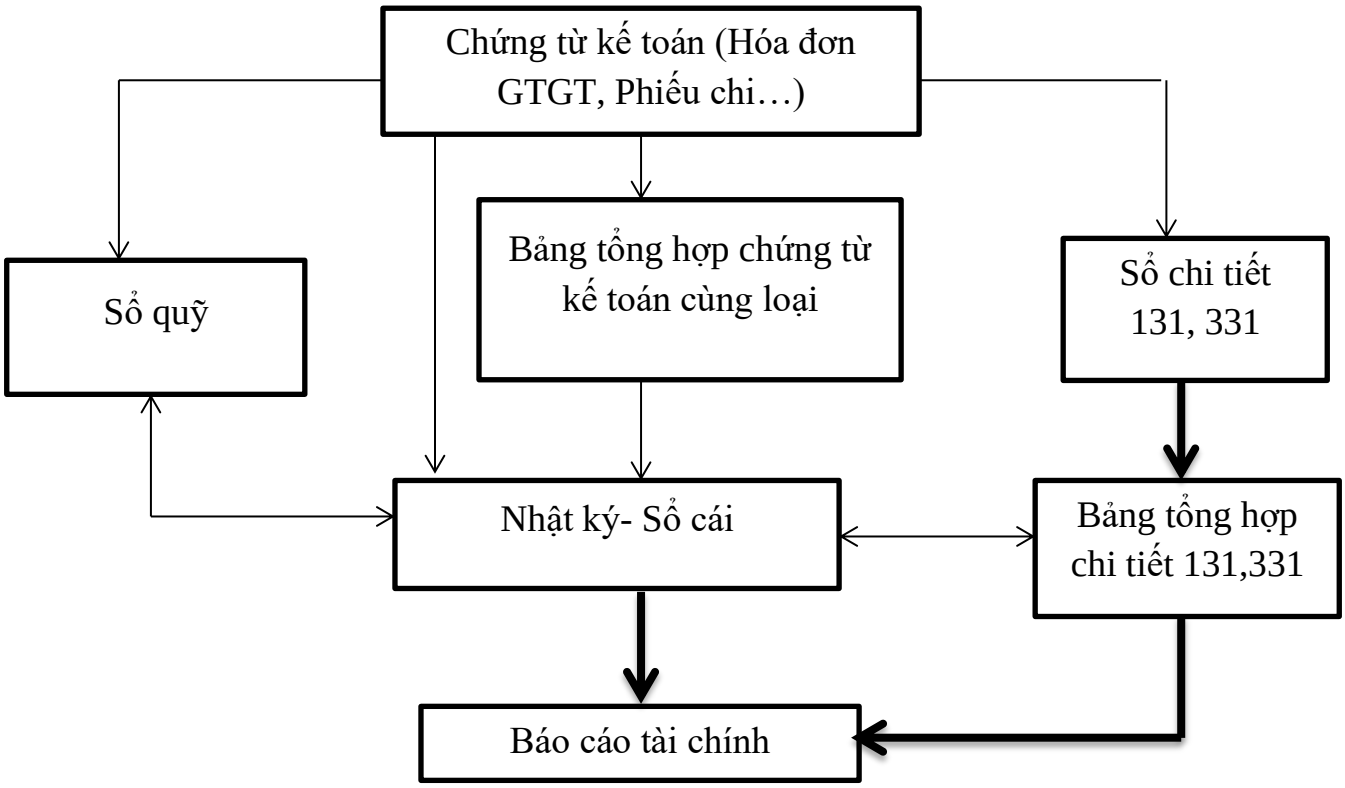

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi định kỳ: ➡

Đối chiếu: ⟷

Công việc hàng ngày:

+ Kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được làm căn cứ ghi sổ, trước hết xác định tài khoản ghi nợ, tài khoản ghi có để ghi vào Nhật ký – sổ cái, số liệu của mỗi chứng từ được ghi trên một dòng của hai phần nhật ký và phần sổ cái. Bảng tổng hợp chứng từ kế toán được lập cho những chứng từ cùng loại phát sinh nhiều lần trong cùng một ngày hoặc định kỳ 1 đến 3 ngày

+ Chứng từ kế toán và Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại sau khi đã ghi sổ Nhật ký – Sổ cái, được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Công việc cuối tháng:

+ Sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán trong tháng vào nhật ký – sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết kế toán tiến hành cộng số liệu của cột sổ phát sinh ở phần Nhật ký và các cột nợ, cột có trong từng tài khoản ở phần sổ cái để ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng. Căn cứ vào số phát sinh các tháng trước và số phát sinh tháng này tính ra số phát sinh lũy kế từ đầu quý đến cuối tháng này. Căn cứ vào số dư đầu tháng và số phát sinh trong tháng kế toán tính ra số dư cuối tháng của từng tài khoản trên Nhật ký – Sổ cái.

1.5.3. Đặc điểm kế toán thanh toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là "chứng từ ghi sổ" việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên sổ cái.

-Chứng từ ghi sổ do kế toán lập dựa trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

-Chứng từ ghi sổ được đánh số liệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán

- Sổ kế toán:

-Chứng từ ghi sổ;

-Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ;

-Sổ cái;

-Các sổ, thẻ kế toán chi tiết;

✓ Ưu điểm

Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện chi việc phân công lao động kế toán

✓ Nhược điểm

-Số lượng ghi chép nhiều, thường xuyên xảy ra hiện tượng trùng lặp.

-Việc thường xuyên kiểm tra đối chiếu số liệu thường được thực hiện cuối tháng vì vậy cung cấp thông tin thường chậm.

Sơ đồ 1.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

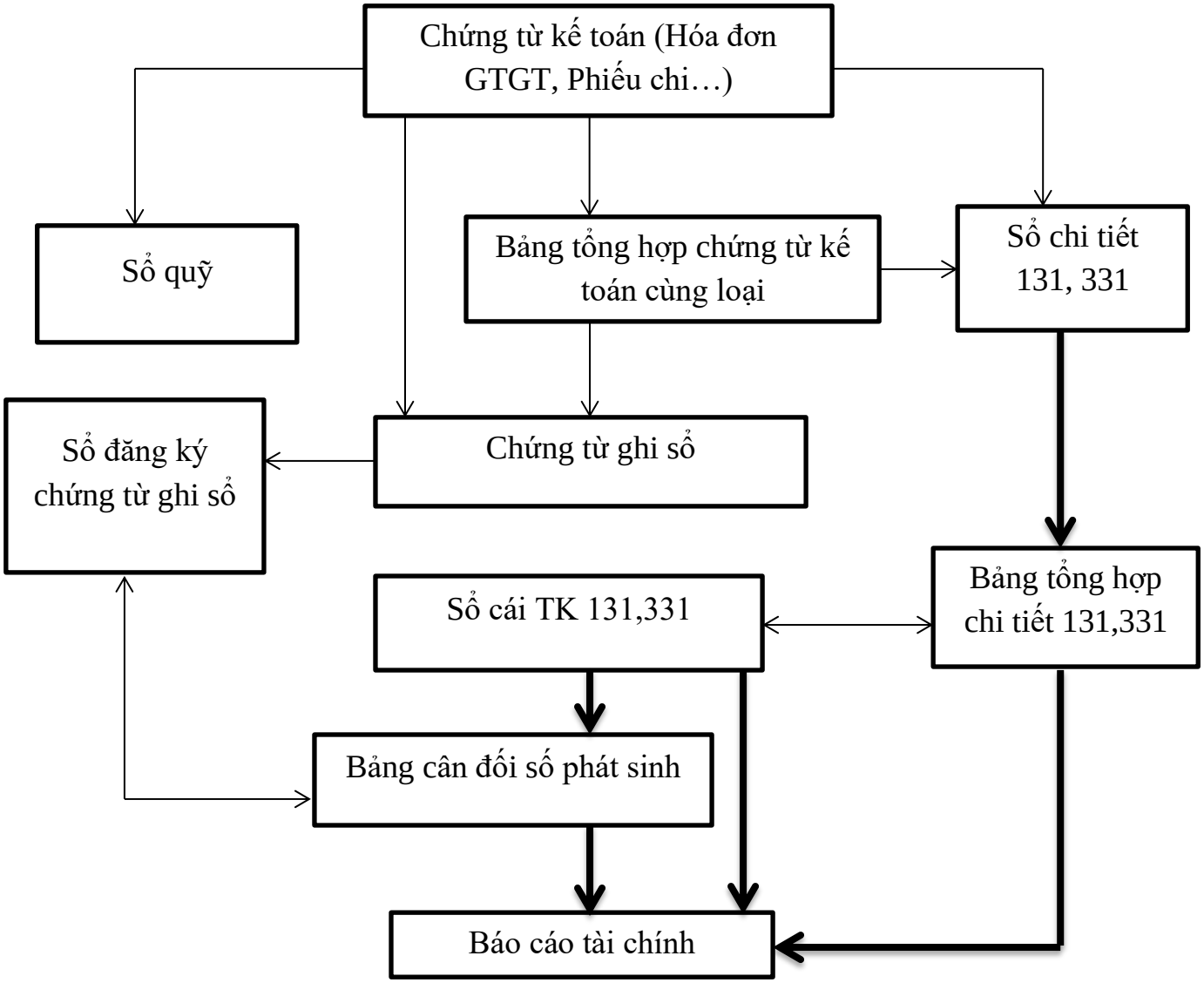

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi định kỳ: ⟹

Đối chiếu: ⟷

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào sổ cái. Các chứng từ kế toán sau khi làm căn cứ lập chứng từ ghi sổ được dùng để ghi vào sổ, thẻ kế toán chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, phải khóa sổ tính ra tổng số tiền của nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ, tính ra Tổng số phát

sinh Nợ, tổng số phát sinh có và số dư của từng tài khoản trên sổ cái. Căn cứ vào sổ cái lập bảng cân đối phát sinh

Sau khi đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập báo cáo tài chính

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra phải đảm bảo tổng số phát sinh nợ và tổng số phát có của tất cả các tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng nhau và bằng tổng số tiền phát sinh trên sổ đăng ký chứng từ ghi sổ. Tổng số dư nợ và tổng số dư có của các tài khoản trên bảng cân đối phát sinh phải bằng nhau và số dư của từng tài khoản trên bảng cân đối số phát sinh phải bằng số dư của từng tài khoản tương ứng trên bảng tổng hợp chi tiết.

1.5.4. Đặc điểm thanh toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của hình thức kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây, phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ trên kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: Phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Sơ đồ 1.4: Trình tự ghi sổ kế toán thanh toán với người mua, người bán theo hình thức kế toán máy

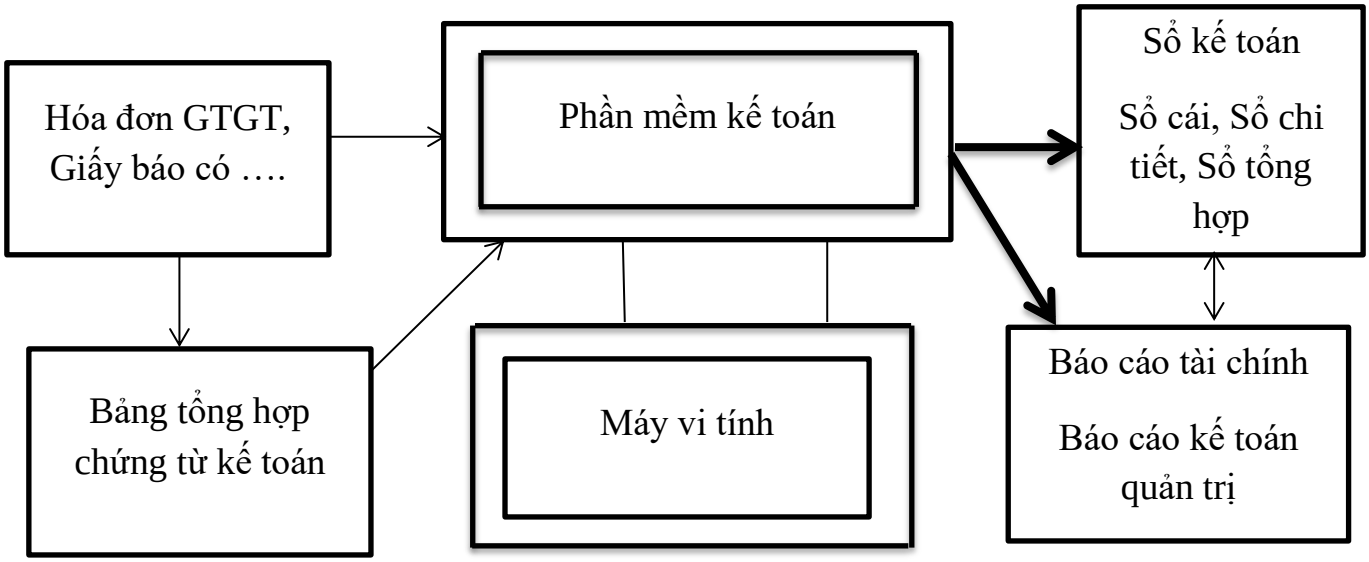

Ghi chú:

Ghi hàng ngày: ⟶

Ghi định kỳ: ➡

Đối chiếu: ⟷

Hàng ngày kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán.

Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối tháng kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ và lập báo cáo tài chính, việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với sổ chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy

CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

2.1. Khái quát chung về công ty TNHH Dương Đức Huy

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty TNHH Dương Đức Huy

2.1.1.1. Quá trình hình thành

Tên công ty: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Tên tiếng anh: DUONG DUC HUY COMPANY LIMITED

Mã số thuế: 0201284922

Nơi đăng ký quản lý: Chi cục Thuế Quận Hải An

- Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi Khu C2, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng
- Tel: 031.3726185 – 0912.086.685
- Fax: 031.3726185
- Email: duongduchuy.hp@gmail.com

Công ty TNHH Dương Đức Huy được thành lập theo Giấy phép kinh doanh số: 0201284922 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hải Phòng cấp ngày 04/12/2012, Công ty TNHH Dương Đức Huy chính thức đánh dấu sự xuất hiện của mình trên thị trường

Giám đốc: Nguyễn Đức Dương

Vốn điều lệ: 1.800.000.000 VND

2.1.1.2. Các mốc trong quan trọng trong quá trình phát triển

Năm 2012: Công ty thành lập và đặt trụ sở tại Số 24, đường Cát Bi, Khu C2, phường Cát Bi, quận Hải An, thành phố Hải Phòng

Năm 2014: Công ty bước vào hoạt động ổn định, bắt đầu có lợi nhuận

Năm 2019: Công ty phát triển ổn định, đang trên đà thu hồi vốn, lợi nhuận tăng nhiều so với năm trước

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

2.1.2.1. Đặc điểm hoạt động kinh doanh

Công ty TNHH Dương Đức Huy kinh doanh các ngành nghề sau:

Ngành nghề kinh doanh chính của công ty là: Vận tải hành khách đường bộ khác (chi tiết: vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh)

Các ngành nghề khác:

- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác
- Đại lý ô tô và xe có động cơ khác
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
- Vận tải hành khách đường bộ trong nội ngoại thành, ngoại trừ vận tải bằng xe buýt
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
- Cho thuê xe có động cơ
- Đại lý du lịch
- Điều hành tua du lịch

2.1.2.2. Chức năng, nhiệm vụ của công ty

a, Chức năng

- Là đại lý vận tải, mua bán ô tô và các thiết bị phụ tùng kèm theo
- Vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng
- Cho thuê phương tiện vận tải, xe du lịch

Là một doanh nghiệp tư nhân công ty phải đảm bảo có kế hoạch phù hợp và thực tế, đem lại hiệu quả cao, góp phần tích lũy vốn cho doanh nghiệp và đóng góp ngày càng cao cho xã hội đồng thời tạo ra việc làm và thu nhập ngày càng ổn định cho doanh nghiệp

b, Nhiệm vụ

- Đáp ứng đầy đủ, nhanh chóng như yêu cầu vận tải hàng hóa và vận chuyển hành khách
- Tổ chức hoạt động kinh doanh theo đúng pháp luật, đúng ngành nghề và đúng đăng ký kinh doanh do Nhà nước cấp
- Thực hiện đầy đủ các chỉ tiêu nộp ngân sách nhà nước, bảo hiểm xã hội
- Quản lý và sử dụng hiệu quả tài sản, nguồn vốn, đội ngũ lao động và bảo toàn tăng trưởng vốn kinh doanh
- Thực hiện phân phối lao động hợp lý, đảm bảo đời sống vật chất tinh thần cho đội ngũ nhân viên, đảm bảo 100% nhân viên có trình độ và năng lực làm việc

2.1.3. Những thuận lợi, khó khăn và thành tích cơ bản của công ty trong quá trình hoạt động

a, Thuận lợi

- Trên thực tế, vận tải hàng khách nói chung và vận chuyển hàng khách của công ty TNHH Dương Đức Huy nói riêng đã phát triển rất mạnh mẽ. Các đơn vị vận tải lớn nhỏ tăng nhanh về mặt số lượng và cả chất lượng, ngày càng tạo được uy tín đối với khách hàng.

- Chính phủ đặc biệt chú trọng quan tâm đến việc đầu tư xây dựng cũng như kiện toàn, nâng cao hệ thống đường giao thông đường ô tô, cho đến đường biển tạo môi trường thuận lợi cho công ty vận chuyển hành khách cũng như hàng hóa.

b, Khó khăn

- Chính bởi sự phát triển ồ át của rất nhiều đơn vị vận tải lớn nhỏ khác nhau mà dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh về giá giữ các doanh nghiệp ngày càng khắc nhiệt.

- Giá cước thấp sát sàn, công ty không sắp xếp xe chạy trước được, thiếu tính chủ động trong vận chuyển hàng khách.

- Cơ sở hạ tầng xuống cấp chưa được nâng cấp, sửa chữa điều đó khiến cho vận tải giao nhận hàng hóa gặp không ít khó khăn, công ty không chỉ gặp khó khăn trong việc chuyên chở mà còn có thể đe dọa đến tính mạng của lái xe.

c, Những thành tích cơ bản công ty đạt được trong những năm gần đây

1. Năm 2014 doanh nghiệp được nhận cờ thi đua của Thành phố cho "Đơn vị dẫn đầu phong trào thi đua"

2. Năm 2016 Nhận bằng khen của UBND Thành phố vì" đã có nỗ lực, phấn đấu vượt qua mọi khó khăn, giữ vững uy tín trong ngành vận tải"

3. Năm 2018 Top 100 doanh nghiệp vận tải uy tín.

Ta có bảng báo cáo kết quả kinh doanh 2 năm gần đây nhất của công ty để thấy rõ tình hình phát triển của công ty

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Doanh thu thuần	986.475.297	1.067.519.818
Chi phí QLDN	468.574.279	587.542.596
Lợi nhuận sau thuế	16.538.965	18.758.843

Qua bảng báo cáo kết quả kinh doanh có thế thấy tình hình của công ty biến động qua từng năm. Công ty hoạt động hiệu quả, lợi nhuận năm 2017 đạt 16.538.965 đồng đến năm 2018 đạt 18.758.843 đồng . Như vậy có thể thấy năm 2018 lợi nhuận tăng so với năm 2017.

2.1.4. Đặc điểm, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH Dương Đức Huy

Để thực hiện tốt chức năng quản lý thì mỗi Công ty cần có một bộ máy tổ chức quản lý phù hợp, đối với Công ty TNHH Dương Đức Huy cũng vậy, là một công ty nhỏ nên bộ máy tổ chức quản lý hết sức đơn giản, gọn nhẹ nó phù hợp với mô hình và tính chất kinh doanh của công ty.

Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

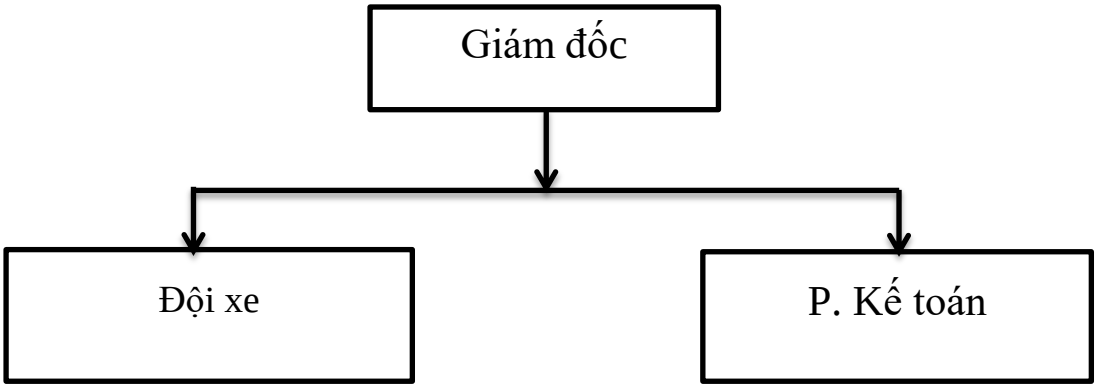

Chức năng nhiệm vụ của các phòng ban

- Giám đốc: là người phụ trách chung, là đại diện của công ty trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật và cấp trên về hoạt động của công ty hoạch định phương hướng, mục tiêu dài hạn cũng như ngắn hạn cho cả công ty. Giám đốc kiểm tra đôn đốc, hoàn thành tốt chức năng và nhiệm vụ được giao
- Phòng kế toán: kiểm soát và chịu trách nhiệm về các giấy tờ, các thủ tục liên quan đến pháp luật như kê khai thuế hàng tháng, báo cáo thuế tháng, năm, báo cáo tài chính , thuê môn bài,… các công việc về tài chính trong công ty
- Đội xe: thực hiện lái xe, rửa xe, sửa xe theo nhiệm vụ được giao, với tinh thần làm việc có trách nhiệm cao

2.1.5. Đặc điểm tổ chức kế toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

2.1.5.1. Mô hình tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Bộ máy có ý nghĩa quan trọng trong quá trình thu thập, xử lý, cung cấp thông tin cho doanh nghiệp. Giúp doanh nghiệp xem xét, kinh doanh phù hợp, nhờ đó doanh nghiệp có thể phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án đầu tư sao cho hiệu quả nhất.

Nhân viên kế toán của công ty được đào tạo chính quy chuyên ngành kế toán, có thời gian làm kế toán tương đối lâu năm nên có nhiều kinh nghiệm trong công tác hạch toán kế toán

Sơ đồ 2.2: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán của công ty

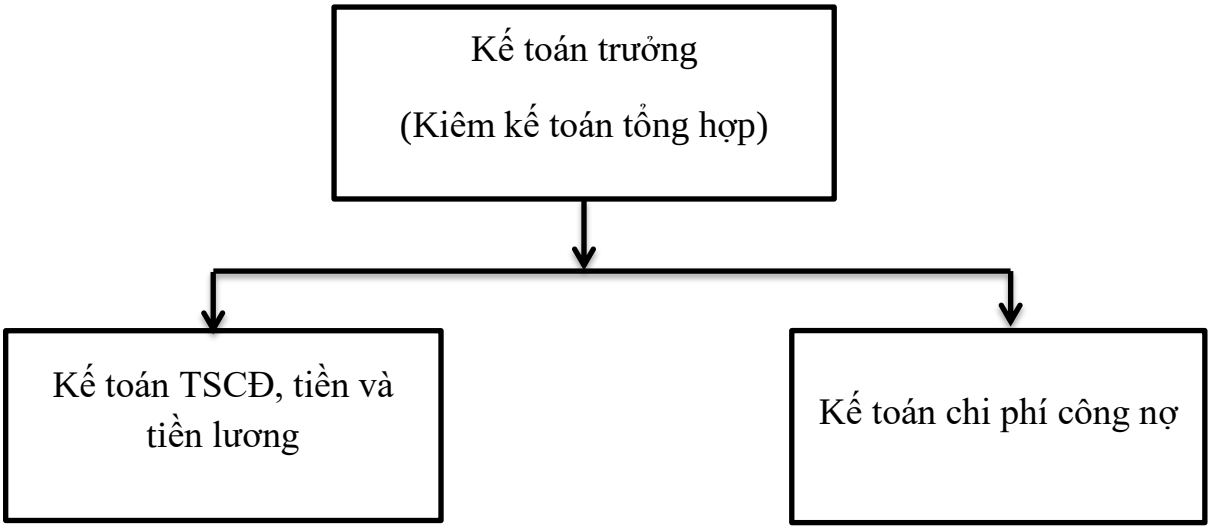

Chức năng, nhiệm vụ:

- Kế toán trưởng kiêm kế toán tổng hợp: có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức hướng dẫn và kiểm tra toàn bộ công tác kế toán trong công ty chấp hành các chính sách chế độ về quản lý và sử dụng tài sản, chấp hành kỷ luật và chế độ lao động, tiền lương, tín dụng và các chính sách tài chính. Chịu trách nhiệm trước giám đốc, nhà nước về các thông tin kế toán. Tập hợp chi phí giá thành kết chuyển lãi lỗ, kiểm tra váo cáo tài chính, kiểm tra sổ sách, đôn đốc việc lập báo cáo, xử lý các bút toán chưa đúng. Dựa vào các báo cáo của các phần hành, kế toán tiến hành tổng hợp, phân tích nhập số liệu.
- Kế toán TSCĐ, kho, tiền và tiền lương: Hàng tháng tiến hành trích khấu hao TSCĐ theo quy định của nhà nước, chịu trách nhiệm phản ánh số lượng thực trạng và giá trị TSCĐ hiện có. Phản ánh kịp thời hao mòn TSCĐ trong quá trình sử dụng.

Hạch toán tiền lương, tiền thưởng, các khoản khấu trừ vào lương và các khoản thu nhập khác.

Lập kế hoạch tín dụng, kế hoạch về tiền mặt, TGNH, làm thủ tục thanh toán cho các đơn vị, đối tác với ngân hàng, theo dõi số dư tiền vay, tiền gửi,…

- Kế toán chi phí và các khoản công nợ: Hàng tháng tiến hành kê khai thuế để làm nhiệm vụ với nhà nước. Kiểm tra đối chiếu sổ sách với các đơn vị, tiến hành nhập số liệu phát sinh hàng tháng để cuối kỳ lên báo cáo, theo dõi công nợ của công ty.

2.1.5.2. Hình thức kế toán, chế độ chính sách và phương pháp dụng kế toán tại công ty

- **Chế độ kế toán áp dụng:** Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 133/2016/TT – BTC Ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính).
- **Niên độ kế toán:** Công ty áp dụng từ ngày 01/01/N đến ngày 31/12/N.
- **Đơn vị tiền tệ:** Công ty sử dụng đồng nội tệ Việt Nam đồng (VNĐ) trong các báo cáo quyết toán.
- **Phương pháp khấu hao TSCĐ đang áp dụng:** Phương pháp đường thẳng
- **Phương pháp hạch toán kế toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên
- **Phương pháp tính giá xuất kho:** Phương pháp nhập trước xuất trước.
- **Phương pháp tính Thuế GTGT:** phương pháp khấu trừ.
- **Hình thức kế toán:** Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung và sử dụng các công cụ hỗ trợ như Word, Excel,… phục vụ công tác kế toán.

Sổ sách chủ yếu:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái
- Các loại sổ chi tiết

Sơ đồ 2.3: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán nhật ký chung

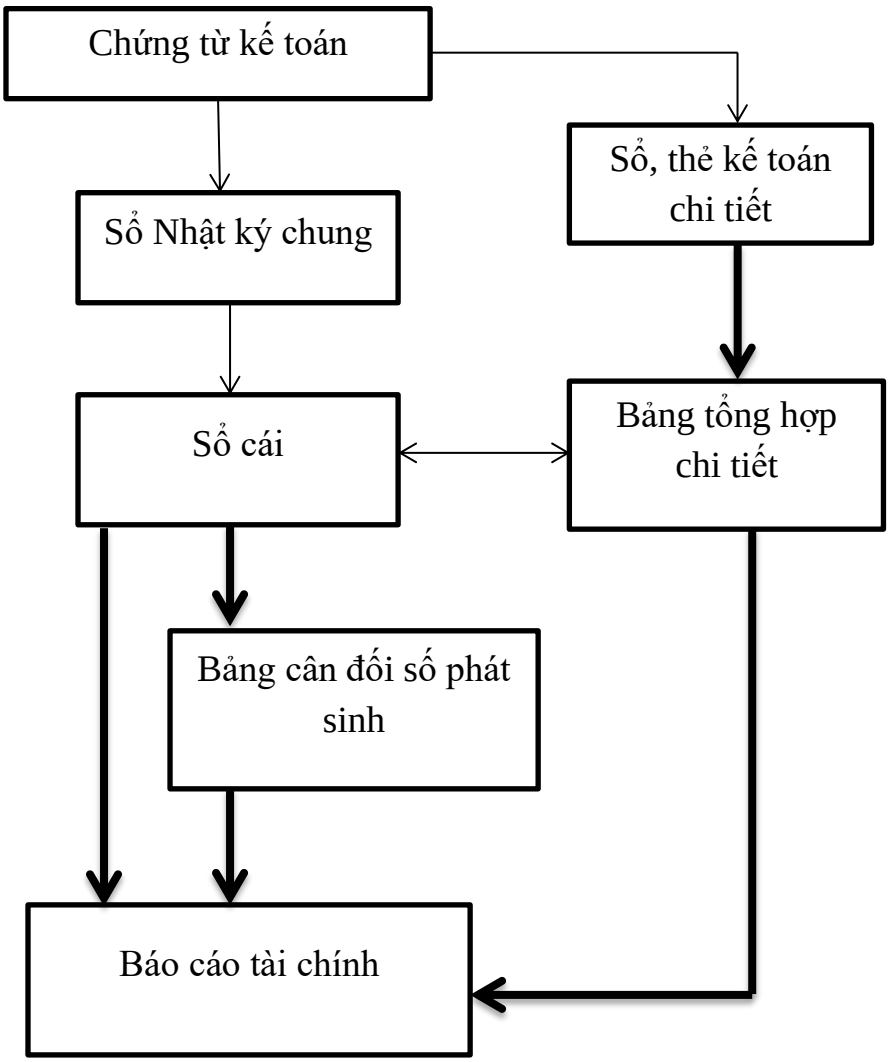

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: ——→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ⟹

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ←——→

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào Nhật ký chung, sau đó căn cứ vào số liệu đã ghi trên nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì đồng thời việc ghi sổ nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan

Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên các Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên sổ

Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập Báo cáo tài chính

Theo nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối số phát sinh phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Nhật ký chung

2.1.6. Đặc điểm về phương thức thanh toán và hình thức thanh toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

- Đặc điểm về đối tượng thanh toán tại công ty
- Về nhà cung cấp là các nhà cung cấp đáng tin cậy trên thị trường, thường là các công ty cung cấp xăng dầu có uy tín.
- Về khách hàng: đa dạng (như khách lẻ, công ty, …)
- Các phương thức thanh toán
- Phương thức thanh toán: Gồm thanh toán trực tiếp và thanh toán trả chậm
- Hình thức thanh toán: Gồm 2 loại cơ bản thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt như chuyển khoản để thanh toán với khách hàng thông qua giao dịch tại ngân hàng mà công ty mở tài khoản.

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

2.1.1. Kế toán thanh toán với người mua tại công ty

Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có của ngân hàng
- Phiếu thu
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng: TK 131- Phải thu của khách hàng

Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái TK131
- Sổ chi tiết phải thu của khách hàng
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán thanh toán với người mua tại công ty TNHH Dương Đức Huy

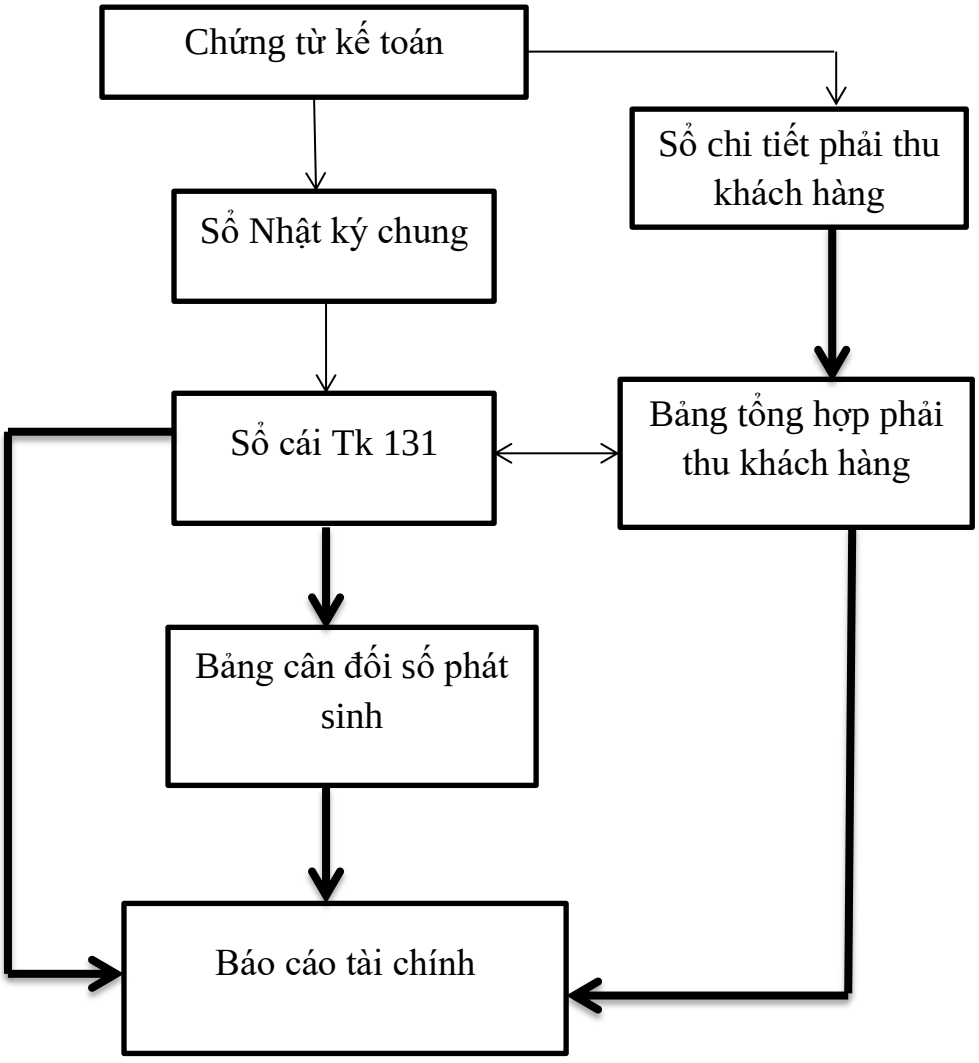

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: ⟶

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ➡

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ⟷

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải thu khách hàng. Sau đó từ sổ nhật ký chung, kế toán ghi chép vào sổ cái tài khoản. Cuối kỳ từ sổ chi tiết phải thu khách hàng lập bảng tổng hợp phải thu khách hàng. Đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái tài khoản 131 với bảng tổng hợp phải thu khách hàng.

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái tài khoản 131 và bảng tổng hợp phải thu khách hàng, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh, căn cứ số liệu trên sổ cái tài khoản 131, bảng tổng hợp phải thu khách hàng và bảng cân đối phát sinh để lập các Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 07/12/2019, Công ty vận chuyển hàng hóa cho Trung Tâm Nuôi dưỡng Bảo trợ Xã Hội Hải Phòng, cước vận chuyển là 3.740.000 đồng, đã bao gồm thuế GTGT (10%), chưa thanh toán

Biểu số 2.1: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000305

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/19P

Liên 3: Nội bộ Số: **0000305**

Ngày 07/12/2019

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY**

MST: **0201284922**

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng

Điện thoại: 0934155686

Số tài khoản: 46658312345678 tại ngân hàng Tiên Phong – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Trung Tâm nuôi dưỡng Bảo trợ Xã Hội Hải Phòng**

MST: **0200963375**

Địa chỉ: Thôn Nguyệt Áng, Xã Thái Sơn, Huyện An lão, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: **Tiền mặt**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển	Chuyến	01	3.400.000	3.400.000
			Cộng tiền hàng:		3.400.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		340.000
			Tổng cộng tiền thanh toán:		3.740.000

Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn

Ngày 12/12/2019 Công ty thu tiền cước vận chuyển hàng hóa của Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ Xã Hội Hải Phòng số tiền 3.740.000 theo hóa đơn số 0000305

Biểu số 2.2: Phiếu thu số 157

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: 01-TT
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 12 tháng 12 năm 2019

Số: 157

Nợ TK: 111

Có TK: 511, 3331

Họ tên người nộp tiền: Trung Tâm nuôi dưỡng Bảo trợ Xã Hội Hải Phòng

Địa chỉ: Thôn Nguyệt Áng, Xã Thái Sơn, Huyện An lão, Hải Phòng

Lý do chi: Thu tiền vận chuyển hàng hóa Trung Tâm nuôi dưỡng Bảo trợ Xã Hội Hải Phòng theo hóa đơn 0000305

Số tiền: **3.740.000 VND**

Viết bằng chữ: **Ba triệu bảy trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo: …….. chứng từ gốc

Ngày… tháng….năm

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ví dụ minh họa: Ngày 14/12/2019, công ty vận chuyển hành khách cho Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu, cước vận chuyển là 4.620.000 đồng, đã bao gồm thuế GTGT (10%), chưa thanh toán

Biểu số 2.3: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000312

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/19P
Liên 3: Nội bộ Số: **0000312**
Ngày14/12/2019

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY**
MST: **0201284922**
Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: 0934155686
Số tài khoản: 46658312345678 tại ngân hàng Tiên Phong – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu**
MST: **0201177448**
Địa chỉ: Phòng 5, tầng 6, tòa nhà ACB, số 15 Hoàng Diệu, p. Minh Khai, q. Hồng Bàng, tp. Hải Phòng
Hình thức thanh toán: **Tiền mặt**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển	Chuyến	01	4.200.000	4.200.000
			Cộng tiền hàng:		4.200.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền thuế giá trị gia tăng:		420.000
			Tổng cộng tiền thanh toán:		4.620.000

Số tiền viết bằng chữ: Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn

Ngày 17/12/2019 Công ty thu tiền cước vận chuyển hành khách của Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu số tiền 4.620.000 đồng theo hóa đơn 0000312

Biểu số 2.4: Phiếu thu số 159

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: 01 –TT
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU THU

Ngày 17 tháng 12 năm 2019

Số: 159

Nợ TK: 111

Có TK: 511, 3331

Họ tên người nộp tiền: Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu

Địa chỉ: Phòng 5, tầng 6, tòa nhà ACB, số 15 Hoàng Diệu, p. Minh Khai, q, Hồng Bàng, tp. Hải Phòng

Lý do chi: Thu tiền vận chuyển hàng hóa Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu theo hóa đơn 0000312

Số tiền: **4.620.000 VND**

Viết bằng chữ: **Bốn triệu sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn**

Kèm theo: …….. chứng từ gốc

Ngày… tháng….năm

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nộp tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Ví dụ minh họa: Ngày 27/12/2019, Công ty vận chuyển hành khách cho Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ Thuật Á Châu, cước vận chuyển là 108.625.000 đồng đã bao gồm cả thuế GTGT (10%), chưa thanh toán

Biểu số 2.5: Hóa đơn giá tị gia tăng số 0000327

HÓA ĐƠN Mẫu số: 01GTKT3/001
GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/19P
Liên 3: Nội bộ Số: **0000327**
Ngày 27/12/2019

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY**
MST: **0201284922**
Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng
Điện thoại: 0934155686
Số tài khoản: 46658312345678 tại ngân hàng Tiên Phong – CN Hải Phòng

Họ tên người mua hàng:
Tên đơn vị: **Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ Thuật Á Châu**
MST: **0102632456**
Địa chỉ: Số 21, ngõ 56 đường Vũ Xuân Thiều, phường Sài Đồng, quận Long Biên, thành phố Hà Nội
Hình thức thanh toán: **Chuyển khoản**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5
1	Cước vận chuyển	Chuyến	25	3.950.000	98.750.000
Cộng tiền hàng:					98.750.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế giá trị gia tăng:			9.875.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					108.625.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm linh tám triệu sáu trăm hai mươi năm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, nhận hóa đơn

Ngày 31/12/2019, công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ Thuật Á Châu thanh toán cước vận chuyển bằng chuyển khoản số tiền: 108.625.000 đồng

Biểu số 2.6: Giấy báo có số 350

Số tham chiếu:
350CHDP182970007
Người tạo: LUONG THI HA MI

Chi nhánh: 350 – TPBANK HAI PHONG
Phân hệ:RT
MST: 0102744865

GIẤY BÁO CÓ

Ngày: 31/12/2019

Kính gửi: CONG TY TNHH DUONG DUC HUY

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng

Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của Quý khách hàng số: 01488688001

Số tiền ghi có: VND 108.625.000

Nội dung: Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ Thuật Á Châu thanh toán cước vận chuyển

Phiếu báo có được in tự động từ hệ thống của Ngân hàng TMCP Tiên Phong, không cần chữ ký xác nhận

Phê duyệt

Biểu số 2.7: Trích sổ nhật ký chung năm 2019

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S03a –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
HĐ0000305	07/12/2019	Cước vận chuyển Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ xã hội	131	3.740.000	
			511		3.400.000
			3331		340.000
…….	…….	…… ……	…….	……	……
PT157	12/12/2019	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ xã hội thanh toán công nợ	111	3.740.000	
			131		3.740.000
……	…….	……	……	……	……
HĐ0000312	14/12/2019	Cước vận chuyển Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu	131	4.620.000	
			511		4.200.000
			3331		420.000
……	…….	…….	…..	…….	……
PT159	17/12/2019	Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu thanh toán công nợ	111	4.620.000	
			131		4.620.000
……..	…….	……..	……	……	……
HĐ0000327	27/12/2019	Cước vận chuyển Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Á Châu	131	108.625.000	
			511		98.750.000
			3331		9.875.000
…..	…….	……	…….	……..	……..
GBC350	31/12/2019	Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Á Châu thanh toán công nợ	112	108.625.000	
			131		108.625.000
		……			
		Cộng phát sinh		**13.459.183.217**	**13.459.183.217**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.8: Trích sổ cái TK 131

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy
Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Phải thu khách hàng
Số hiệu: 131
Tháng 12 năm 2019

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		**66.250.000**	
			Số phát sinh trong kỳ			
……	……	…….	**…….**	……	……	……
07/12/2019	HĐ0000305	07/12/2019	Cước vận chuyển Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ xã hội	3331	340.000	
				511	3.400.000	
…..	……	……	……	…..	……	…….
12/12/2019	PT157	12/12/2019	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ xã hội trả tiền cước vận chuyển	111		3.740.000
…	….	…….	……..	…….	……..	…….
14/12/2019	HĐ0000312	14/12/2019	Cước vận chuyển Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu	3331	420.000	
				511	4.200.000	
….	……	……	……	...	……..	……
17/12/2019	PT159	17/12/2019	Công ty CP Thương Mại và Logistics Á Châu trả tiền cước vận chuyển	111		4.620.000
…….	…….	…….	……	….	……	……..
27/12/2019	HĐ0000327	27/12/2019	Cước vận chuyển Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Á Châu	3331	9.875.000	
				511	98.750.000	
……..	……	…….	……	…..	…….	……
31/12/2019	GBC350	31/12/2019	Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ Kỹ thuật Á Châu trả tiền cước vận chuyển	112		108.625.000
			……			
			Cộng phát sinh		**1.377.434.500**	**1.072.462.000**
			Số dư cuối kỳ		**371.222.500**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.9: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy
Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S13 –DNN
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Số hiệu tài khoản: 131
Đối tượng: **Công ty CP Xây lắp và Dịch vụ kỹ thuật Á Châu**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
			Số phát sinh trong kỳ					
…….			……..					
27/12/2019	HĐ0000327	27/12/2019	Cước vận chuyển hành khách	511	98.750.000		98.750.000	
			Thuế GTGT- Cước vận chuyển hành khách	3331	9.875.000		108.625.000	
31/12/2019	GBC350		Công ty CP Xây Lắp và Dịch vụ Kỹ Thuật Á Châu trả tiền cước vận chuyển	112		108.625.000		
…….			…….					
			Cộng số phát sinh		**278.080.000**	**169.455.000**		
			Số dư cuối kỳ				**108.625.000**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.10: Trích sổ chi tiết phải thu khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S13 –DNN
(Ban hành theo Thông tư số: 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI THU KHÁCH HÀNG

Số hiệu tài khoản: 131

Đối tượng: **Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ Xã hội**

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				-	
			Số phát sinh trong kỳ					
…….			…….					
07/12/2019	HĐ0000305	07/12/2019	Cước vận chuyển hành khách	511	3.400.000		6.920.000	
			Thuế GTGT- Cước vận chuyển hành khách	3331	340.000		7.260.000	
12/12/2019	PT157	12/12/2019	Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ Xã hội trả tiền cước vận chuyển	111		3.740.000	3.520.000	
			……					
			Cộng số phát sinh		**55.550.000**	**52.030.000**		
			Số dư cuối kỳ				**3.520.000**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.11: Trích bảng tổng hợp phải thu của khách hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/20119

Đối tượng		Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
Mã KH	Tên	Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
BAOTRO	**Trung tâm nuôi dưỡng bảo trợ Xã Hội**			**55.550.000**	**52.030.000**	**3.520.000**	
CREW24	Công ty CP Phát triển nguồn nhân lực CREW 24			3.630.000	3.630.000		
DUCVINH	Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Đức Vinh			71.428.500		71.428.500	
KL	Khách lẻ			6.000.000	6.000.000		
GOLTENS	Công ty TNHH GOLTENS Việt Nam			46.200.000		46.200.000	
HINOKIYA	Công ty TNHH xây dựng Hinokiya Resco Việt Nam			50.061.000	50.061.000		
HTK	Công ty TNHH Vận tải Biển và Xuất Nhập Khẩu HTK			72.600.000	72.600.000		
ACHAU	**Công ty CP Xây Lắp và Dịch Vụ kỹ thuật Á Châu**			**278.080.000**	**169.455.000**	**108.625.000**	
LOGISTICS	Công ty CP Thương Mại và LOGISTICS Á Châu			4.620.000	4.620.000		
MAILINH	Công ty TNHH xe cho thuê Mai Linh			37.300.000	20.580.000	16.720.000	
CUNL	Công ty CP Cung Ứng và Quản lý Nhân lực Á Châu			475.310.000	441.210.000	34.100.000	
QSI	Công ty TNHH Trường Quốc Tế QSI Hải Phòng			22.165.000	22.165.000		
SGTVT	Sở Giao Thông Vận Tải Hải Phòng			1.870.000	1.870.000		
SNV	Sở Ngoại Vụ Thành Phố Hải Phòng			84.590.000	20.600.000	66.990.000	
SYT	Sở Y tế Thành phố Hải Phòng			2.420.000	2.420.000		
TVKHTH	Thư Viện Khoa Học Tổng Hợp			41.330.000	41.330.000		
VANPHONG	Công ty CP Văn Phòng Phẩm Hải Phòng	66.250.000			66.250.000		
…….	…….	……..	……..	…….	…….	……	
	Cộng	**66.250.000**		**1.337.434.500**	**1.072.462.000**	**371.222.500**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

2.2.2. Kế toán thanh toán với người bán tại công ty

- Chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

Chứng từ để sử dụng thanh toán với người bán gồm:

- Hợp đồng mua bán
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ của ngân hàng
- Ủy nhiệm chi
- Các chứng từ liên quan khác

Tài khoản sử dụng: TK 331 – Phải trả người bán

Tài khoản này được mở để theo dõi các tài khoản nợ phải trả người bán có phát sinh tăng trong kỳ và tình hình thanh toán các khoản nợ phải trả cho nhà cung cấp. Để phục vụ cho yêu cầu quản trị công ty đã mở sổ chi tiết để theo dõi từng đối tượng.

- TK 154: Nguyên liệu,vật liệu sử dụng ngay (không qua nhập kho)
- TK 133: Thuế GTGT đầu vào được khấu trừ

➢ Sổ sách sử dụng:

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ Cái TK 331
- Sổ chi tiết phải trả người bán
- Bảng tổng hợp phải trả người bán

Sơ đồ 2.5: Quy trình kế toán thanh toán với người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

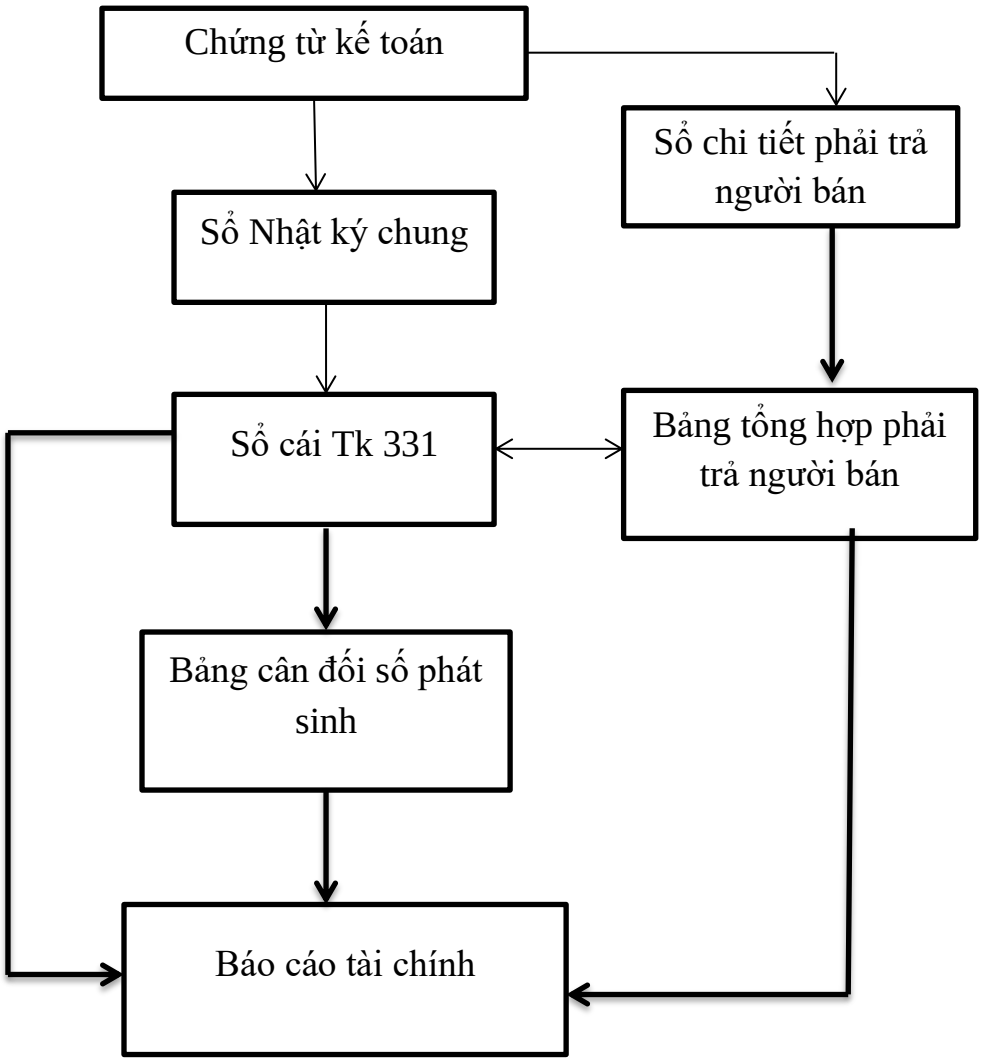

Ghi chú:

Nhập số liệu hàng ngày: ——→

In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm: ⟶

Quan hệ đối chiếu kiểm tra: ←——→

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ kế toán đã kiểm tra ghi chép vào sổ Nhật ký chung và sổ chi tiết phải trả người bán. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào sổ cái TK 331. Cuối kỳ từ sổ chi tiết 331 lập bảng tổng hợp phải trả người bán, đồng thời kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ cái Tk 331 với bảng tổng hợp phải trả người bán

Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên sổ cái Tk 331 và bảng tổng hợp phải trả người bán, cuối kỳ tiến hành lập bảng cân đối số phát sinh. Căn cứ số liệu trên sổ cái TK 331, bảng tổng hợp phải trả người bán và bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Ví dụ minh họa: Ngày 07/12/2019, công ty mua dầu DO của công ty xăng dầu khu vực III TNHH MTV số tiền: 900.000 đồng (bao gồm cả VAT 10%) đã thanh toán. Theo hóa đơn 0000168

Biểu số 2.12: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000168

CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III TNHH MTV

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(chứng từ giấy của hóa đơn điện tử)
Ngày 07 tháng 12 năm 2019 09:30

Mẫu số: 01GTKT0/002
Ký hiệu: XN/19E
Số: 0000168

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY XĂNG DẦU KHU VỰC III - TNHH MTV** Mã số thuế: **0201280833**

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, q. Hồng Bàng, tp. Hải Phòng

Cửa hàng số: Cửa hàng xăng dầu số 3

Người mua:

Đơn vị mua hàng: **Công ty TNHH Dương Đức Huy** Mã số thuế: **0201284822**

Địa chỉ: 24 Đường Cát Bi, Khu C2 Cát Bi, Hải An, Hải Phòng Phương thức thanh toán: **Tiền Mặt**

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đ.V.T	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu DO	Lít	56.04	14.600	818.182
			Cộng tiền hàng:		818.182
			Tiền thuế giá trị gia tăng (10%)		81.818
			Tổng cộng tiền thanh toán:		900.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Chín trăm nghìn đồng

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày 07/12/2019, Công ty thanh toán tiền mua dầu DO cho công ty Xăng dầu khu vực III TNHH MTV số tiền: 900.000 đồng, theo hóa đơn 0000168

Biểu số 2.13: Phiếu chi số 135

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 07 tháng 12 năm 2019

Số: 135

Nợ TK 331: 900.000

Có TK 111: 900.000

Họ tên người nhận tiền: Công ty Xăng dầu khu vực III TNHH MTV

Địa chỉ: Số 1 Sở Dầu, P. Sở Dầu, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng

Lý do chi: Mua Dầu DO công ty xăng dầu khu vực III

Số tiền: 900.000 VND

Viết bằng chữ: Chín trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: ……..chứng từ gốc

Ngày .....tháng....năm

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Sáu trăm năm mươi ba nghìn một trăm tám mươi đồng chẵn

Ví dụ minh họa: Ngày 19/12/2019, công ty mua dầu DO của công ty CP Thương mại- Du lịch- Xăng dầu- Dầu khí Hà Giang số tiền: 701.800 đồng (bao gồm cả VAT 10%) đã thanh toán.

Biểu số 2.14: Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000197

CÔNG TY CP THƯƠNG MẠI – DU LỊCH- XĂNG DẦU- DẦU KHÍ HÀ GIANG

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, P. Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang, T. Hà Giang

Mã số thuế: 5100101441

Điện thoại: 02193866630 - FAX: 02193866106

Tài khoản: 8200211000024 – Ngân hàng NN và PTNT tỉnh Hà Giang

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Liên 2: Giao người mua Mẫu số: 01GTKT3/002

Ngày 19 tháng 12 năm 2019

Ký hiệu: XN/19P

Số: 0000197

Họ và tên người mua hàng:

Tên đơn vị: **Công ty TNHH Dương Đức Huy**

MST: **0201284922**

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi,Quận Hải An, Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Dầu DO	Lít	43.70	14.600	638.000
				Cộng tiền hàng	638.000
Thuế suất GTGT: 10%			Tiền Thuế GTGT:		63.800
			Tổng tiền thanh toán		701.800

Số tiền viết bằng chữ: Bảy trăm linh một nghìn tám trăm đồng chẵn

Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị
(Ký, ghi rõ họ tên)	*(Ký, ghi rõ họ tên)*	*(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao nhận hóa đơn

Ngày 19/12/2019, Công ty thanh toán tiền mua dầu DO Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang số tiền: 701.800 đồng theo HĐ 0000197

Biểu số 2.15: Phiếu chi số 148

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 19 tháng 12 năm 2019

Số: 148

Nợ TK 331: 701.800

Có TK 111: 701.800

Họ tên người nhận tiền: Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang

Địa chỉ: Đường Trần Hưng Đạo, tổ 5, P. Nguyễn trãi, TP. Hà Giang, T. Hà Giang

Lý do chi: Mua Dầu DO Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang

Số tiền: 701.800 VND

Viết bằng chữ: Bảy trăm linh một nghìn tám trăm đồng

Kèm theo: ……..chứng từ gốc

Ngày .....tháng....năm

Giám đốc	Kế toán trưởng	Thủ quỹ	Người lập phiếu	Người nhận tiền
(Ký, họ tên, đóng dấu)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên)*

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Bảy trăm linh một nghìn tám trăm đồng chẵn.

Biểu số 2.16: Trích sổ nhật ký chung năm 2019

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số: S03a-DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
SH	NT			Nợ	Có
.....	.....	.....	.....	.....	.....
HĐ0000168	07/12/2019	Mua dầu của Công ty Xăng Dầu Khu Vực III TNHH MTV	154	818.182	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	81.818	
		Mua dầu chưa thanh toán	331		900.000
PC135	07/12/2019	Thanh toán tiền mua dầu DO cho Công ty Xăng Dầu Khu Vực III TNHH MTV	331	900.000	
			111		900.000
.....	....	.....	....	.....	.....
HĐ0000197	19/12/2019	Mua dầu Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang	154	638.000	
		Thuế GTGT được khấu trừ	133	63.800	
		Mua dầu chưa thanh toán	331		701.800
PC148	19/12/2019	Thanh toán tiền mua dầu DO cho Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang	331	701.800	
			111		701.800
.....	.....	.....	.....	.....	.....
		Cộng phát sinh		**13.459.183.217**	**13.459.183.217**

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.17: Trích sổ cái TK 331

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S03b –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CÁI

Tài khoản 331- Phải trả người bán

Năm 2019

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			-
			Số phát sinh trong kỳ			
…….			**……..**			
07/12/2019	HĐ0000168	07/12/2019	Mua dầu DO Công ty xăng dầu khu vực III TNHH MTV	154		818.182
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		81.818
07/12/2019	PC135	07/12/2019	Trả riền mua dầu DO	111	900.000	
……	…….	……	……	…..	……...	
19/12/2019	HĐ0000197	19/12/2019	Mua dầu DO Công ty Công ty CP Thương Mại-Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang	154		638.000
			Thuế GTGT được khấu trừ	133		63.800
19/12/2019	PC148	19/12/2019	Trả riền mua dầu DO	111	701.800	
……..	…….	……...	……	……	……	
			Cộng phát sinh		**306.664.062**	**306.664.062**
			Số dư cuối kỳ			-

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.18: Trích sổ chi tiết phải trả người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S13 –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331

Đối tượng: Công ty CP Thương Mại- Du lịch- Xăng dầu Dầu Khí Hà Giang

Năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					-
		……..					
HĐ0000197	19/12/2019	Mua dầu DO	154		638.000		638.000
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		63.800		701.800
PC148	19/12/2019	Trả tiền mua dầu DO	111	701.800			
		……					
		Cộng phát sinh		**3.470.000**	**3.470.000**		
		Số dư cuối kỳ					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.19: Trích sổ chi tiết phải trả người bán

Đơn vị: Công ty TNHH Dương Đức Huy

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng.

Mẫu số S13 –DNN
(Ban hành theo Thông tư số : 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của BTC)

SỔ CHI TIẾT PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331

Đối tượng: Công ty Xăng dầu Khu Vực III-TNHH Một Thành Viên

Năm 2019

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
		Số dư đầu kỳ					-
……..	…….	……..	……..	……	……..	……	…….
HĐ0000168	07/12/2019	Mua dầu DO	154		818.182		818.182
		Thuế GTGT được khấu trừ	133		81.818		900.000
PC135	07/12/2019	Trả tiền mua dầu DO	111	900.000			
……	…..	……	….	…….	……..	……..	……
		Cộng phát sinh		**250.478.000**	**250.478.000**		
		Số dư cuối kỳ					-

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.20: Trích bảng tổng hợp phải tra người bán

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

Tài khoản 331

Năm 2019

Đơn vị tính: Đồng

Mã KH	Tên KH	Số dư đầu kỳ		Số phát sinh		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
XANGDAU	**Công ty Xăng dầu khu vực III TNHH MTV**			**250.478.000**	**250.478.000**		
QUANGNINH	Xí nghiệp xăng dầu Quảng Ninh			870.000	870.000		
CAOBANG	Công ty Xăng dầu Cao Bằng			3.278.000	3.278.000		
LONGHAI	Công ty TNHH Đầu Tư Dịch Vụ Long Hải			1.100.000	1.100.000		
HAGIANG	**Công ty CP TM Du lịch-Xăng dầu Dầu khí Hà Giang**			**3.470.000**	**3.470.000**		
HUNGYEN	Công ty CP Xăng dầu Hưng Yên			1.000.000	1.000.000		
BINHMINH	Công ty CP Phát Triển thương mại Bình Minh			1.250.152	1.250.152		
BACHDANG	Công ty CP Xăng dầu Bạch Đằng			1.916.830	916.830		
NGHEAN	Công ty Xăng Dầu Nghệ An			1.120.000	1.120.000		
HUE	Công ty Xăng dầu Thừa Thiên Huế			1.100.000	1.100.000		
HOANGHA	Công ty TNHH Hoàng Hà			1.017.160	1.017.160		
……..	……..	……..	……	……	……	……	…….
	Cộng			**306.664.062**	**306.664.062**		

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

CHƯƠNG 3:
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA, NGƯỜI BÁN TẠI CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

3.1. Đánh giá thực trạng tổ chức thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy

Như các công ty khác, công ty TNHH Dương Đức Huy luôn mong muốn để lại được ấn tượng tốt với khách hàng cũng như nhà cung cấp. Để đáp ứng mong muốn đó thì ngoài chất lượng dịch vụ cũng như đãi ngộ tốt thì công việc thanh toán cũng không được chậm trễ và phải luôn khéo léo, linh hoạt. Chính vì vậy, công tác kế toán thanh toán là một vấn đề vô cùng quan trọng.

Qua thời gian tìm hiểu thực tế tại công ty TNHH Dương Đức Huy, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác thanh toán với người mua, người bán nói riêng có những ưu điểm và hạn chế sau:

3.1.1.Ưu điểm

Về tổ chức bộ máy kế toán: bộ máy kế toán của công ty được xây dựng theo mô hình tập trung, bố trí hợp lý, đơn giản và gọn nhẹ, nhưng hiệu quả, hoạt động có nề nếp với những nhân viên có năng lực, nhiệt huyết và trình độ nghiệp vụ kế toán luôn được nâng cao.

Về hình thức sổ kế toán: **Công ty áp dụng hình thức sổ "Nhật ký chung"**

Hình thức kế toán này có ưu điểm đơn giản dễ áp dụng. Các nghiệp vụ kế toán phát sinh được phản ánh rõ ràng trên sổ Nhật ký chung, các sổ cái, sổ chi tiết theo trình tự thời gian. Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung là hoàn toàn phù hợp với trình độ đội ngũ kế toán, tình hình trang bị phương tiện kỹ thuật trong công ty. Công tác tính toán, xử lý thông tin phù hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh cũng như yêu cầu quản lý của công ty

Về hệ thống chứng từ và luân chuyển chứng từ: Công ty đã sử dụng đầy đủ chứng từ bắt buộc theo quy định và thực hiện nghiêm túc các bước trong quy trình luân chuyển chứng từ, tạo điều kiện cho công tác hạch toán kế toán ban đầu chính xác và công tác kiểm tra, đối chiếu sau này được thuận lợi

Việc tổ chức, bảo quản, lưu trữ chứng từ khoa học, đầy đủ, dễ kiểm tra và kiểm soát tạo điều kiện cung cấp thông tin đầy đủ chính xác

Về hệ thống tài khoản: Công ty sử dụng hệ thống tài khoản đúng theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính

Về hạch toán kế toán thanh toán: Công tác hạch toán kế toán thanh toán luôn được thực hiện kịp thời, công ty đã sử dụng sổ chi tiết để theo dõi công nợ

từng đối tượng người mua, người bán. Theo dõi chi tiết như vậy giúp cho việc hạch toán tổng hợp một cách nhanh chóng, kịp thời, kế toán có thể cung cấp cho nhà quản lý những thông tin chính xác về tình hình công nợ của công ty, nhà quản lý có thể nắm bắt tình hình tài chính của công ty và hoạch định chiến lược phù hợp cho công ty.

3.1.2. Hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc tổ chức kế toán thanh toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy vẫn còn hạn chế nhất định

Thứ nhất: Quản lý công nợ là một khâu hết sức thiết yếu đối với sự tồn tại và phát triển của công ty. Tuy nhiên công ty vẫn chưa có những biện pháp để quản lý công nợ sát sao và hiệu quả dẫn đến vẫn còn nhiều khách hàng thanh toán chậm. Vì vậy, công ty nên tăng cường quản lý công nợ chặt chẽ và hiệu quả hơn để đảm bảo khách hàng thanh toán đúng thời hạn

Thứ hai: Công ty chưa sử dụng các phần mềm kế toán. Hiện nay công việc kế toán tại công ty được thực hiện trên Excel, dẫn đến mất nhiều thời gian và không tránh khỏi sai sót.

Thứ ba: Đối với các khoản nợ ngoài việc cố gắng để thu hồi thì công ty chưa đưa ra được biện pháp nào để xử lý và khắc phục theo hướng có lợi nhất cho công ty, trong khi tình hình kinh tế như hiện nay thì nợ khó đòi hoàn toàn có thể xảy ra và trở thành nợ không có khả năng thu hồi. Vì vậy công ty có thể tham khảo về việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo TT48/2019TT-BTC ngày 08/08/2019.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Nền kinh tế Việt Nam đang trên đà hội nhập và phát triển, đối với mỗi doanh nghiệp đây không chỉ là một cơ hội mà còn là một thách thức, thách thức đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải nỗ lực phấn đấu để tồn tại

Để có thể cạnh tranh với đối thủ trong nền kinh tế thị trường hiện nay thì mỗi doanh nghiệp phải có những chính sách quản lý tốt, thay đổi cơ chế quản lý đã không phù hợp, để công tác quản lý tốt nhất, doanh nghiệp hoạt động hiệu quả đòi hỏi nhà quản lý sử dụng nhiều sự hỗ trợ khác nhau trong đó công tác kế toán là vô cùng quan trọng. Trong công tác kế toán thì việc hạch toán các nghiệp vụ thanh toán giúp cho việc quản lý tài chính, cung cấp thông tin, số liệu chính xác tình hình hoạt động của doanh nghiệp, vì thế công ty phải không ngừng hoàn thiện bộ máy kế toán cũng như công tác kế toán thanh toán của mình.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải tuân thủ các nguyên tắc kế toán tài chính, lấy các nghị định thông tư hướng dẫn thi hành làm trọng tâm, từ đó xây dựng hệ thống kế toán cho công ty tránh trường hợp trái pháp luật

Hoàn thiện công tác kế toán phải phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng của kế toán và yêu cầu của ban quản lý

Việc hoàn thiện công tác kế toán thanh toán phải hướng tới việc tối đa những lợi ích mà máy vi tính và phần mềm đem lại để nâng cao năng suất lao động và hiệu quả công việc

Hoàn thiện công tác kế toán phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu cấp thêm thông tin kịp thời chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý, đồng thời dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm nhẹ công việc nhưng vẫn mang tính khoa học

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán

3.4.1. Tăng cường quản lý công nợ

Công nợ phát sinh khi doanh nghiệp bán hàng hoặc cung cấp các sản phẩm, dịch vụ cho khách hàng. Tuy nhiên, hiện có rất nhiều doanh nghiệp phải gánh chịu hậu quả do khách hàng chậm hoặc không chịu thanh toán nợ. Vấn đề này ảnh hưởng rất lớn tới hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trực tiếp tác động tới công ăn việc làm của người lao động cũng như sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Để tránh được tình trạng này, chủ doanh nghiệp cần phải có các phương pháp quản lý công nợ phải thu một cách hiệu quả. Sau đây là một số phương pháp quản lý tốt công nợ phải thu:

❖ Yêu cầu khách hàng ký thoản thuận

Quy định việc thanh toán bắt buộc phải thực hiện đúng thời hạn, đồng thời quy định rõ mức phạt phải chịu nếu thanh toán chậm. Lưu trữ dưới dạng tài liệu mọi giao dịch, liên hệ với khách hàng như: Email, thư, cuộc gọi,… đòi nợ, đề phòng nếu cần sử dụng cho việc tranh tụng sau này.

❖ Lập hồ sơ theo dõi cho từng khách hàng của doanh nghiệp

Hồ sơ của khách hàng được trình bày một cách khoa học và cập nhật liên tục giúp người quản lý nắm bắt được đầy đủ thông tin của từng khách hàng. Sau đây em xin phép đề xuất một mẫu hồ sơ theo dõi khách hàng như sau:

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: ……..

Tên viết tắt: …….

Địa chỉ: ……

Điện thoại: …….. Số Fax: ……..

Địa chỉ thư điện tử: …….

Loại hình đăng ký doanh nghiệp: (Công ty cổ phần, Công ty TNHH)……

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: ……

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (mã doanh nghiệp): ……

Ngày cấp: ……./……./……. Nơi cấp: …….

Mã số thuế: ……

Tài khoản ngân hàng: ……

Người đại diện theo pháp luật: …… ….ĐT: …….

Người giao dịch: ……ĐT: …….

Ví dụ: Hồ sơ theo dõi khách hàng

HỒ SƠ THEO DÕI KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng: Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Đức Vinh

Tên viết tắt: DUC VINH TRANSPORT AND TOURISM COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Tầng 8, tòa nhà Sannam, phố Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 0963969930 Số Fax: 0311287695

Địa chỉ thư điện tử: ducvinhvt@gmail.com

Loại hình đăng ký doanh nghiệp: (Công ty cổ phần, Công ty TNHH):

Công ty TNHH

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Cho thuê xe có động cơ

Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (mã doanh nghiệp): 00106336560

Ngày cấp: 16/10/2013 Nơi cấp: Chi cục thuế Hà Nội

Mã số thuế: 0106336560

Tài khoản ngân hàng: 0491000028822. NH VIETCONBANK- CN THĂNG LONG

Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Thị Ngọc Ánh ĐT: 0886229768

Người giao dịch: Nguyễn Bình An ĐT: 0327275989

❖ **Giải pháp đối chiếu công nợ định kỳ:**

Công ty nên thường xuyên đối chiếu công nợ định kỳ vào cuối tháng để có thể quản lý chặt chẽ mà không bỏ sót một khoản nợ nào của người mua và người bán . Kế toán phải theo dõi chi tiết các khoản nợ phải thu, phải trả để có kế hoạch đôn đốc sớm thu hồi các khoản nợ để không bị tồn đọng vốn cũng như lên kế hoạch để thanh toán các khoản nợ với người bán để tránh nợ bị quá hạn.

- Với công nợ phải trả cho công ty có thể yêu cầu nhà cung cấp gửi biên bản đối chiếu công nợ.
- Với công nợ phải thu, công ty có thể tham khảo biên bản đối chiếu công nợ cho hàng khách hàng theo mẫu sau:

CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày .... tháng... năm

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế

- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày … tháng … năm … Tại văn phòng Công ty …, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (bên bán): **CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY**

- Địa chỉ: Số 24, đường Cát Bi, khu C2, phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng

- Điện thoại: 0934155686 Fax: 02253858987

- Đại diện: Nguyễn Đức Dương Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (bên mua): ……

- Địa chỉ: …….

- Điện thoại: ……. Fax: ……

- Đại diện: …… Chức vụ: ……

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kỳ: …….. đồng

Số phát sinh trong kỳ:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền

3. Số tiền bên B đã thanh toán: …….. đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày …… bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Dương Đức Huy số tiền là: ……

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Dương Đức Huy không nhận được phản hồi nào từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

Ví dụ: Biên bản đối chiếu công nợ với Công ty cổ phần dịch vụ biển Tân Cảng

CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hải Phòng, ngày 30 tháng 8 năm 2019

BIÊN BẢN ĐỐI CHIẾU CÔNG NỢ

- Căn cứ vào hợp đồng kinh tế

- Căn cứ vào tình hình thanh toán thực tế.

Hôm nay, ngày 30 tháng 8 năm 2019 Tại văn phòng Công ty TNHH Dương Đức Huy, chúng tôi gồm có:

1. Bên A (bên bán): **CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY**

- Địa chỉ: Số 24, đường Cát Bi, phường Cát Bi, quận Hải An, Hải Phòng

- Điện thoại: 0934155686 Fax: 02253858987

- Đại diện: Nguyễn Đức Dương Chức vụ: Giám đốc

2. Bên B (bên mua): **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ BIỂN TÂN CẢNG**

- Địa chỉ: Số 722 Điện Biên Phủ, phường 22, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh

- Điện thoại: 84 839143981 Fax: 84 28 37422691

- Đại diện: Nguyễn Xuân Sơn Chức vụ: Giám đốc

Cùng nhau đối chiếu giá trị cụ thể như sau:

Công nợ đầu kỳ: 12.270.000 đồng

Số phát sinh trong kỳ:

Ngày tháng	Số hóa đơn	Tiền hàng	Tiền thuế	Thành tiền
15/8	0000258	10.000.000	1.000.000	11.000.000

3. Số tiền bên B đã thanh toán: 11.000.000 đồng

4. Kết luận: Tính đến hết ngày 30/8 bên B phải thanh toán cho Công ty TNHH Dương Đức Huy số tiền là: 12.270.000 đồng

- Biên bản này được lập thành 02 bản có giá trị như nhau. Mỗi bên giữ 01 bản làm cơ sở cho việc thanh toán sau này giữa hai bên, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được biên bản đối chiếu công nợ này mà Công ty TNHH Dương Đức Huy không nhận được phản hồi nào từ Quý công ty thì công nợ trên coi như được chấp nhận

ĐẠI DIỆN BÊN A **ĐẠI DIỆN BÊN B**

3.4.2. Giải pháp 2: Dự phòng phải thu khó đòi

Công ty nên thực hiện việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi để tránh rủi ro.

Căn cứ để trích lập dự phòng phải thu khó đòi là thông tư TT48/2019TT-BTC về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp

Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi:

- Điều kiện, căn cứ trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo quy định hiện hành.

+ Có điều kiện khác quy định của pháp luật.

+ Phải có chứng từ gốc hoặc giấy xác nhận của khách nợ về số tiền còn nợ chưa trả gồm: Hợp đồng kinh tế, đối chiếu công nợ,…

- Doanh nghiệp trích lập dự phòng phải thu khó đòi khi:

+ Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể,…

+ Nợ phải thu quá hạn thanh toán trong hợp đồng, bản cam kết,… doanh nghiệp đòi nhiều lần nhưng chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của các khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên.

- Khi Lập báo cáo tài chính: Doanh nghiệp xác định các khoản nợ phải thu khó đòi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn có bản chất tương tự có khả năng không đòi được để trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi.

- Đối với những khoản phải thu khó đòi kéo dài trong nhiều năm: Doanh nghiệp đã cố gắng dùng mọi biện pháp để thu nợ nhưng vẫn không thu được nợ và xác định khách nợ thực sự không có khả năng thanh toán thì doanh nghiệp có thể làm các thủ tục bán nợ cho công ty mua, bán nợ hoặc xóa những khoản nợ phải thu khó đòi trên sổ kế toán. Việc xóa các khoản nợ phải thu khó đòi phải thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp. Nếu sau khi sau khi đã xóa nợ, doanh nghiệp lại đòi được nợ đã xử lý thì số nợ thu được sẽ hạch toán vào tài khoản 711- Thu nhập khác.

- Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng phải thu khó đòi được thực hiện ở thời điểm lập báo cáo tài chính.

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi phải lập ở cuối kỳ kế toán nhỏ hơn số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì chênh lệch nhỏ hơn được hoàn nhập ghi giảm dự phòng và ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Trường hợp khoản dự phòng phải thu khó đòi lập ở cuối kỳ kế toán này lớn hơn số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi đang ghi trên sổ kế toán thì chênh lệch lớn hơn được hoàn nhập ghi tăng dự phòng và ghi tăng chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Điều kiện, mức trích dự phòng phải thu khó đòi: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ và tiến hành lập dự phòng cho những tài khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng cứ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó:

(1) Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích lập dự phòng
Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	30%
Từ 1 năm đến dưới 2 năm	50%
Từ 2 năm đến dưới 3 năm	70%
Từ 3 năm trở lên	100%

(2) Đối với nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể,… thì doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất không thu hồi được để trích lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho từng khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ khoản dự phòng các khoản nợ vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán vào chi phí quản lý của doanh nghiệp.

*Cách hạch toán nợ phải thu khó đòi: Công ty sử dụng tài khoản 229- Dự phòng tổn thất tài sản là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó đòi có khả năng thu hồi.

- Kết cấu tài khoản 229:

+ Bên nợ:

- Hoàn nhập chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lên kỳ trước chưa sử dụng hết.
- Bù đắp giá trị khoản đầu tư vào đơn vị khác khi có quyết định dùng số dự phòng đã lập để bù đắp số tổn thất xảy ra.

- Bù đắp phần giá trị đã được lập dự phòng của khoản nợ không thể thu hồi được phải xóa sổ.

+ Bên có:

- Trích lập các khoản dự phòng tổn thất tài sản tại thời điểm lập Báo cáo tài chính

+ Số dư bên có:

- Số dư phòng tổn thất tài sản hiện có cuối kỳ.

+ Cuối năm tài chính tiến hành tính toán khoản dự phòng khoản thu khó đòi phát sinh trong kỳ cần trích lập cho năm tiếp theo trước khi lập báo cáo tài chính. Căn cứ số liệu tính toán kế toán định khoản:

Nợ TK 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

+ Đến cuối năm tiếp theo trước khi lập Báo cáo tài chính, căn cứ các khoản nợ phải thu được phân loại là nợ phải thu khó đòi, nếu số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập ở kỳ kế toán này lớn hơn số dự phòng nợ phải thu khó đòi đã trích lập ở kỳ kế toán chưa sử dụng hết, kế toán trích lập bổ sung phần chênh lệch ghi:

Nợ TK 642 – Chí phí quản lý doanh nghiệp

Có TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

+ Nếu nhỏ hơn, kế toán hoàn nhập phần chênh lệch:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293)

Có TK 642 – Chí phí quản lý doanh nghiệp

+ Trường hợp khoản phải thu quán hạn đã lập dự phòng phải thu khó đòi nhưng số đã lập không đủ bù đắp tổn thất khi bán nợ thì số tổn thất còn lại được hách toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (số dự phòng đã lập)

Nợ TK 642 – Chí phí quản lý doanh nghiệp (Số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138,244…

+ Trường hợp khoản phải thu quá hạn chưa lập dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 642 – Chí phí quản lý doanh nghiệp (Số tổn thất từ việc bán nợ)

Có TK 131, 138,244…

+ Đối với những khoản nợ phải thu khó đòi đã được xử lý xóa nợ, nếu sau đó lại thu hồi được nợ, kế toán căn cứ giá trị thực tế của khoản nợ đã thu hồi được:

Nợ TK 111, 112, …

Có TK 711 – Thu nhập khác

+ Đối với các khoản phải thu khó đòi khi xác định là không thể thu hồi, kế toán thực hiện xóa nợ theo quy định của pháp luật hiện hành. Căn cứ vào quyết định xóa nợ:

Nợ TK 111,112, 331, 334,… (Phần tổ chức cá nhân phải bồi thường)

Nợ TK 229 – Dự phòng tổn thất tài sản (2293) (phần dự phòng đã lập)

Nợ TK 642 – Chí phí quản lý doanh nghiệp (phần được tính vào chi phí)

Có TK 131: Phải thu của khách hàng

Biểu số 3.1: Báo cáo tình hình công nợ năm 2019

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng

BÁO CÁO TÌNH HÌNH CÔNG NỢ ĐẾN HẾT 31/12/2019

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời hạn thanh toán	Thời gian quá hạn	Ghi chú
1	Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Đức Vinh	71.428.500	30/09/2018	1 năm 3 tháng	
2	Công ty TNHH GOLTENS Việt Nam	46.200.000	31/03/2019	09 tháng	
3	Công ty TNHH xây dựng Hinokiya Resco Việt Nam	50.061.000	31/01/2019	11 tháng	
4	Công ty TNHH Vận tải biển và Xuất nhập khẩu HTK	72.600.000	30/06/2018	1 năm 06 tháng	
……	……..	…….	…….	……..	
	Tổng cộng	**229.773.500**			

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 3.2: Bảng trích lập dự phòng năm 2019

Đơn vị: CÔNG TY TNHH DƯƠNG ĐỨC HUY

Địa chỉ: Số 24 đường Cát Bi, Khu C2, Phường Cát Bi, Quận Hải An, Hải Phòng

BẢNG TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2019

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên công ty	Công nợ với khách hàng	Thời gian quá hạn	Mức trích lập	Số tiền	Ghi chú
1	Công ty TNHH Vận tải và Du lịch Đức Vinh	71.428.500	1 năm 3 tháng	35.714.250	50%	
2	Công ty TNHH GOLTENS Việt Nam	46.200.000	09 tháng	13.860.000	30%	
3	Công ty TNHH xây dựng Hinokiya Resco Việt Nam	50.061.000	11 tháng	15.018.300	30%	
4	Công ty TNHH Vận tải biển và Xuất nhập khẩu HTK	72.600.000	1 năm 06 tháng	36.300.000	50%	
	Tổng cộng	**240.289.500**	**X**	**100.892.550**	**X**	

Ngày 31 tháng 12 năm 2019

Người ghi sổ	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên)*	*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

Tổng tiền phải trích lập dự phòng ngày 31/12/2019 là 100.892.550 đồng

Căn cứ số liệu trên kế toán ghi:

Nợ TK 642: 100.892.550

Có TK 229: 100.892.550

Từ nghiệp vụ kế toán trên, kế toán ghi sổ Nhật Ký chung, sổ cái và các sổ sách kế toán khác có liên quan.

3.4.3. Giải pháp 3: Sử dụng phần mềm kế toán

Phần mềm kế toán được nghiên cứu và phát triển bởi những người thành thạo IT bên cạnh đó là sự tư vấn của những người làm kế toán nên dữ kiệu được tổ chức khoa học, chặt chẽ và ít hạn chế như excel. Phần mềm kế toán có rất nhiều ưu điểm và cũng dễ sử dụng

Phần mềm kế toán MISA

Phần mềm kế toán MISA là phần mềm kế toán dành cho mọi doanh nghiệp, đáp ứng dầy đủ các nghiệp vụ kế toán: Hợp đồng, ngân sách, quỹ, ngân hàng, mua hàng, bán hàng, quản lý hóa đơn, kho, công cụ dụng cụ, tài sản cố định, tiền lương, thuế, giá thành. Phần mềm kế toán MISA phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Xây lắp, sản xuất, dịch vụ, thương mại.

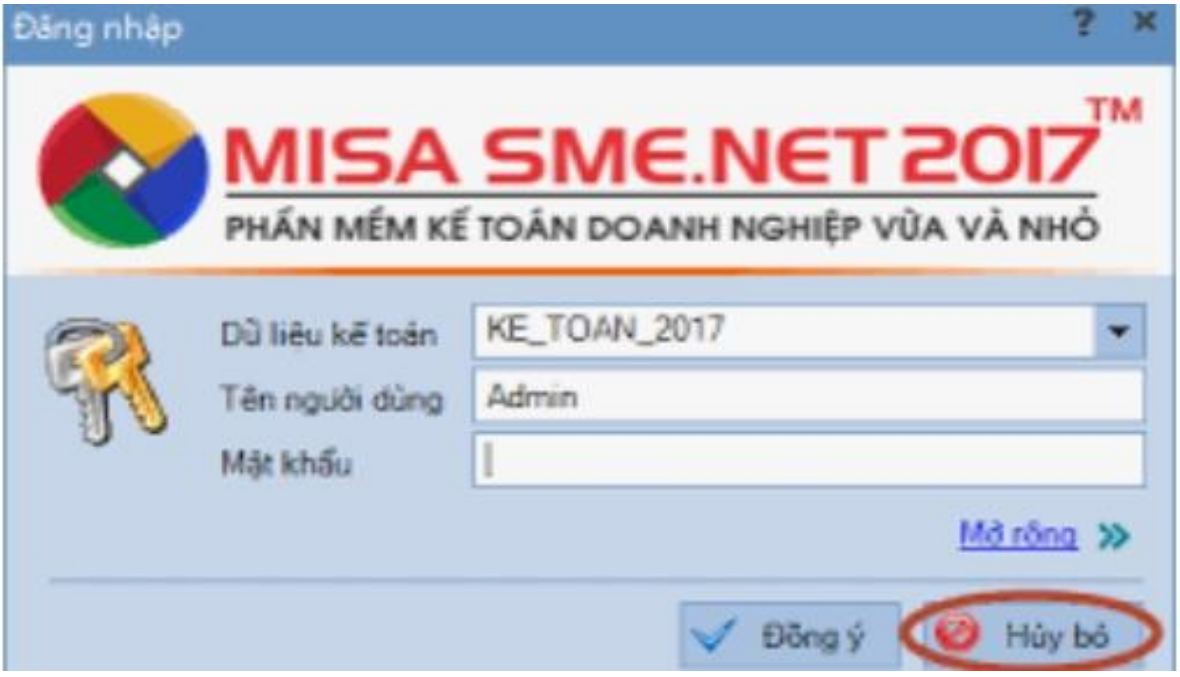

Ưu điểm:

+ Phần mềm kế toán MISA có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ thoải mái, không nhức mắt, cho phép cập nhật dữ liệu như nhiều hóa đơn 1 phiếu chi một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

+ Số liệu tính toán trong phần mềm kế toán MISA cực kỳ chính xác, khả năng xảy ra sai sót bất thường do lỗi ở phần mềm là rất hiếm. Điều này giúp những người làm kế toán an tâm với các phương thức kế toán khác.

+ Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu – mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau, độc lập, khả năng thao tác lưu, ghi số dữ liệu tốt.

+ Công nghệ bảo mật dữ liệu rất cao, gần như an toàn vì ở phần mềm MISA chạy trên một cơ sở dữ liệu SOL, doanh nghiệp sẽ ít đau đầu về vấn đề này như phần mềm kế toán chạy trên nền tảng khác.

Nhược điểm:

+ Khi có sai sót trong lúc nhập sữ liệu, sửa xong thì phải tắt đi mở lại mới chạy được.

+ Hệ thống báo cáo của MISA khó kiểm tra.

+ Vì SOL nên máy tính cài đặt MISA quá yếu sẽ chạy ì ạch.

+ Phân hệ lương không xử lý được hoa hồng của bộ phận bán hàng trực tiếp trên phần mềm.

+ Muốn hạch toán được giá thành trên phần mềm cần am hiểu rõ phần mềm

Phần mềm Kế toán Fast

Là giải pháp cho các loại hình doanh nghiệp có quy mô từ nhỏ đến lớn điển hình là các doanh nghiệp lớn phải cần báo cáo về việc quản lý, hay các doanh nghiệp xây dựng

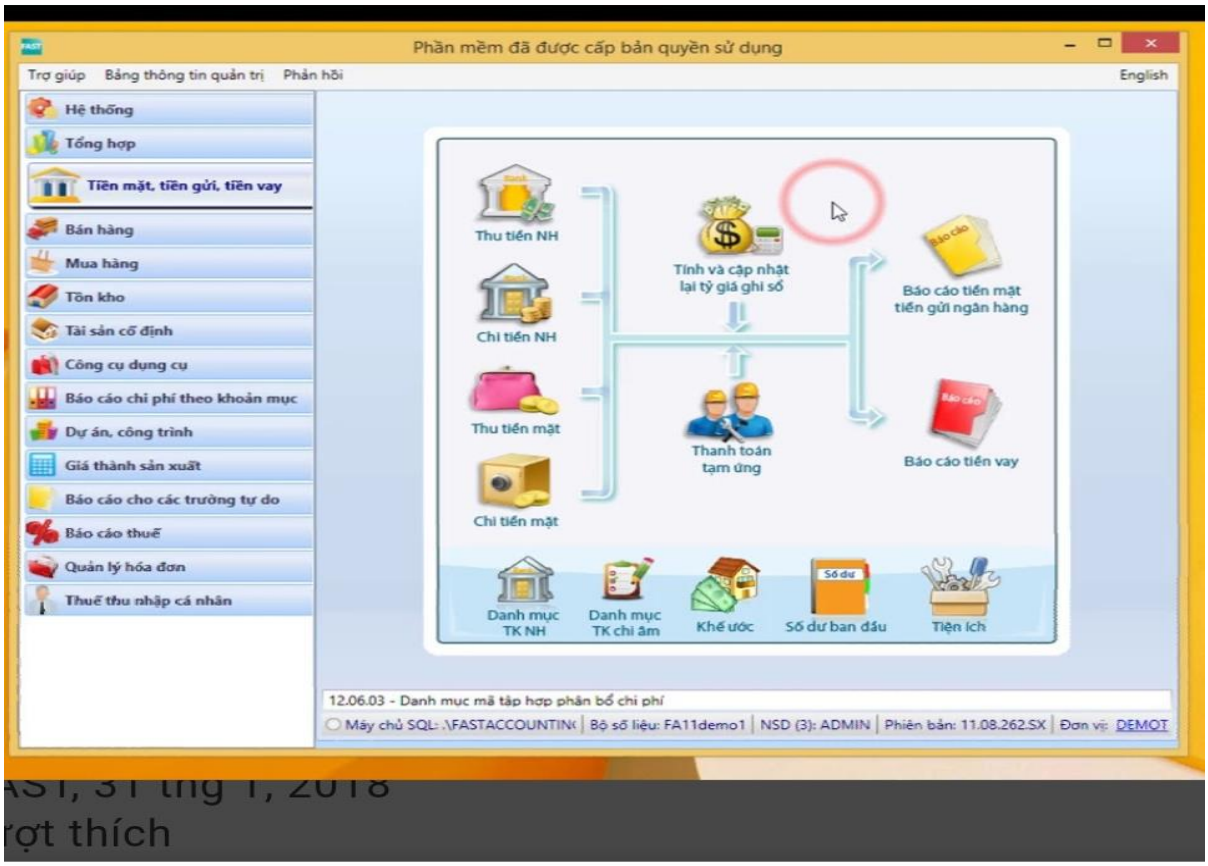

Ưu điểm:

+ Dễ dàng truy cập thông tin

+ Cho phép kết xuất ra Excel

+ Tốc độ xử lý tương đối tốt

+ Giao diện dễ dử dụng, sổ sách chứng từ kế toán cập nhật và bám sát chế độ kế toán hiện hành. Cũng giống MISA, Fast có hệ thống báo cáo đa dạng, người dùng có thể yên tâm về yêu cầu quản lý của mình

+Không cần cài đặt phần mềm trên máy chủ hay phần mềm hỗ trợ khác.

Nhược điểm:

+ Độ bảo mật chưa được cao

+ Dung lượng lớn, người dùng khó phân biệt được data.

+ Không có các hướng dẫn đính kèm chi tiết

Hai phần mềm này đều phù hợp với loại hình doanh nghiệp vừa và nhỏ đồng thời là công cụ đắc lực trong công tác kế toán nói chung và công tác quản lý công nợ của doanh nghiệp nói riêng.

Để biết thêm thông tin về phần mềm, kế toán có thể truy cập vào địa chỉ trang web của nhà cung cấp và yêu cầu tư vấn.

Để có thể thuận lợi cho việc cài đặt phần mềm kế toán doanh nghiệp nên trang bị phòng kế toán đầy đủ máy tính có cấu hình phù hợp và có kết nối mạng, tạo điều kiện thuận lợi cho kế toán viên tìm hiểu sửu dụng phần mềm kế toán mà công ty sẽ sử dụng.

KẾT LUẬN

Hiện nay quản lý tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán là một vấn đề gây đau đầu cho người làm sản xuất và kinh doanh, dù muốn hay không doanh nghiệp vẫn luôn phải đối mặt với nó, ví dụ như làm thế nào để thu hồi công nợ không những đúng, kịp thời mà còn ngăn ngừa được những rủi ro tiềm ẩn có thể dẫn đến tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi mà vẫn giữ được mối quan hệ tốt đẹp giữa hai bên. Do đó, việc hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán với người mua, người bán nhằm quản lý tốt công nợ luôn là mối quan tâm lớn của doanh nghiệp.

Với đề tài " **Hoàn thiện công tác kế toán thanh toán với người mua, người bán tại công ty TNHH Dương Đức Huy**", em đã nghiên cứu cơ sở lý luận của các nghiệp vụ thanh toán cũng như thực trạng hạch toán các nghiệp vụ thanh toán tại công ty TNHH Dương Đức Huy. Bên cạnh những mặt tích cực công ty đã làm được nhưng không tránh khỏi sự sai sót, em mạnh dạn đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán thanh toán tại công ty như sau:

+ Giải pháp 1: Tăng cường quản lý công nợ

+ Giải pháp 2: Trích lập dự phòng phải thu khó đòi

+ Giải pháp 3: Đưa phần mềm kế toán vào công tác kế toán tại công ty

Sau quá trình học tập tại trường và một thời gian thực tập tại công ty TNHH Dương Đức Huy đã giúp em hiểu rõ hơn về những lý luận đã học, đồng thời biết được việc ứng dụng lý luận đó vào thực tế. Tuy nhiên, với thời gian và kiến thức còn hạn chế nên em không tránh khỏi những sai sót. Vì vậy, em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các thầy (cô) giáo và các anh chị kế toán viên để khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, các anh chị phòng kế toán của Công ty TNHH Dương Đức Huy đã tạo điều kiện cũng như sự hướng dẫn tận tình của cô giáo Th.S Lê Thị Nam Phương để em có thể hoàn thành tốt bài khóa luận này.

Sinh viên

Phạm Thị Quyên

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Khóa luận tốt nghiệp của anh (chị) khóa trên trường Đại học Quản Lý và Công Nghệ Hải Phòng

2. Luật kế toán và chuẩn mực kế toán, cũng như hệ thống tài khoản kế toán được ban hành theo thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính áp dụng cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ

3. Thông tư TT48/2019TT-BTC ban hành 08/08/2019 về trích lập dự phòng phải thu

4. Sách "Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa sửa đổi bổ sung", NXB Tài Chính năm 2014

5. Tài liệu tham khảo tại Công ty TNHH Dương Đức Huy

6. Các tài liệu trên internet.